BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÍN CHỈ
NGÀNH: DƯỢC HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
HỆ: LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-YDHP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 1463/QĐ – BGDĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 183
Ngày: 10.4.2014
Chuyển:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao cho Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo liên thông từ trung cấp dược lên trình độ Đại học ngành Dược học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 55 /2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo liên thông từ trung cấp dược lên trình độ đại học ngành Dược học.

Điều 2. Chi tiêu tuyển sinh liên thông thực hiện theo Điều 8 - Thông tư số 55 /2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học.;

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu VT, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 223/QĐ-YDHP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 27/02/2015 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Y Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Y học cổ truyền hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Xét nghiệm y học hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Thức

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HC; ĐTĐH;

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dược học (Phamarcy)
Mã ngành đào tạo: 52720401
Loại hình đào tạo: Liên thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học là đào tạo những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra)

Về thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Coi trọng việc kết hợp y - dược học hiện đại với y - dược học cổ truyền.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức

- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.
- Có kiến thức chuyên môn cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ nhân dân.
- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu.

Về kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.
- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.

- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên Dược, Trường đại học Y Hải Phòng

- Định hướng *Dược lâm sàng*: công tác tại các bệnh viện, nhà thuốc, viện nghiên cứu, trường đại học

- Định hướng *Cung ứng và quản lý thuốc*: công tác tại các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, nhà thuốc, cơ sở đào tạo dược sỹ

- Định hướng *Dược liệu, Dược cổ truyền*: công tác tại các bệnh viện, doanh nghiệp, cơ sở khám chữa bệnh y dược cổ truyền, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Người học đã tốt nghiệp trung học, cao đẳng chuyên ngành dược hoặc tương đương và một số điều kiện khác theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ", ban hành kèm theo Quyết định số: 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: 4 (qui đổi từ thang điểm 10)

Thực hiện theo điều 21 và 22 của 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015; điều 22 và 23 "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ	Ghi chú
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu:**	31	
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó** - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức ngành - Kiến thức bổ trợ (tự chọn): - Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	 31 35 28 8	
	Tổng cộng:	**133**	

7.2. Khung chương trình giáo dục

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 31 Tín chỉ (27 LT- 4TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng	Phân bố	
			LT	TH
Các môn chung				
1.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0
2.	Ngoại ngữ 1	3	3	0
3.	Ngoại ngữ 2	3	3	0

4.	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0
5.	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	2	2	0
6.	Tin học đại cương & ứng dụng	2	1	1
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
Tổng cộng		**17**	**16**	**1**
Các môn cơ sở khối ngành				
8.	Hóa đại cương vô cơ	3	2	1
9.	Sinh học	2	1	1
10.	Tâm lý – Đạo đức y học	2	2	0
11.	Truyền thông và giáo dục sức khoẻ	2	2	0
12.	Vật lý	3	2	1
13.	Xác suất - Thống kê y dược	2	2	0
Tổng cộng		**14**	**11**	**3**

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 31 Tín chỉ (20 LT – 11 TH)

TT	**Tên Môn học / Học phần**	**Tổng số TC**	**Phân bố TC**	
			LT	**TH**
1.	Bệnh học	4	3	1
2.	Giải phẫu	2	1	1
3.	Hóa hữu cơ	3	2	1
4.	Hóa lý dược	2	1	1
5.	Hóa phân tích	3	2	1
6.	Hóa sinh	3	2	1
7.	Ký sinh trùng	2	1	1
8.	Sinh lý	3	2	1
9.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1
10.	Thực vật dược	3	2	1
11.	Vi sinh	3	2	1
Tổng cộng		**31**	**20**	**11**

7.2.2.2. Kiến thức ngành: 35 Tín chỉ (24 LT - 11 TH)

TT	**Tên Môn học / Học phần**	**Tổng số TC**	**Phân bốTC**	
			LT	**TH**
1.	Bào chế và sinh học dược	4	3	1
2.	Độc chất học	2	2	0
3.	Dược học cổ truyền	4	3	1
4.	Dược lâm sàng	4	2	2
5.	Dược liệu	4	3	1
6.	Dược lý	4	3	1
7.	Hóa dược	4	3	1
8.	Kiểm nghiệm	2	1	1
9.	Quản lý kinh tế dược	3	2	1

10.	Pháp chế dược	2	2	0
11.	Thực hành Dược khoa 1	2	0	2
Tổng cộng		**35**	**24**	**11**

7.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: 36 TC (22 LT - 14 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng số TC	Phân bốTC	
			LT	TH
1.	Chuyên đề chăm sóc dược (pharmaceutical care)	2	1	1
2.	Công nghiệp sản xuất dược phẩm	4	2	2
3.	Dạng bào chế đặc biệt	2	1	1
4.	Dị ứng	2	1	1
5.	Dược dịch tễ	2	1	1
6.	Dược liệu biển	2	1	1
7.	Dược xã hội học	2	2	0
8.	Marketing Dược và Thị trường Dược phẩm	2	2	0
9.	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0
10.	Nhóm GPs	2	1	1
11.	Pháp luật và Chính sách y tế	2	2	0
12.	Sử dụng thuốc trong điều trị	2	2	0
13.	Thực hành Dược khoa 2	2	0	2
14.	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	8	4	4
Tổng cộng		**36**	**22**	**14**

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 90 tiết Lý thuyết: 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: **RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT**
- Học phần tiên quyết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giáo viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Tiến Trưởng, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Nguyễn Mỹ Chinh, Ths. Nguyễn Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng CSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hóa; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chương 6: Đường lối xây dựng

hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: Sinh viên có hiểu biết về những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được nội dung đường lối của Đảng từ khi Đảng ta ra đời, nhất là đường lối thời kỳ Đổi mới.

- Về thái độ: Xây dựng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Về hành động: Sinh viên biết vận dụng kiến đã học để tiếp tục học tập, rèn luyện và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của mình.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	*Chương mở đầu:* ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		6
	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu II.` Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học			
2	*Chương I:* SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		8
	I. Hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng			
3	*Chương II:* ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH	4		8

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
4	*Chương III:* ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)	4		8
	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
5	*Chương IV:* ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		8
	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
6	*Chương V:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	4		8
	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
7	*Chương VI:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	4		8
	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
8	*Chương VII:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	4		8
	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	phát triển nền văn hóa II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội			
9	*Chương VIII:* ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	4		8
	I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1985) II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới			
Tổng số		**45**		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

- Bộ môn Lý luận Chính trị: *Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

6.1. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.*

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- *Đánh giá ban đầu*

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Người viết Đề cương
GS.TS. Phạm Văn Chiến	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TIN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG & ỨNG DỤNG

(2015 – 2016)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ	: 02	Lý thuyết: 01	Thực hành: 01
Phân bổ thời gian (tiết)	: 45	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết)	: 60		

Đối tượng sinh viên: Năm thứ nhất

- Bác sỹ đa khoa liên thông
- Dược sĩ liên thông

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tin học địa cương và ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành, đồng thời cung cấp các kỹ năng thực hành soạn thảo văn bản Word và bảng tính Excel.

Học phần tin học đại cương và ứng dụng gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết các bài tập thực hành trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài tập.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành; Các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word; lập, tính toán, phân tích và xử lý số liệu bằng Microsoft Excel.

- Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo máy tính, vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành; Hình thành và rèn luyện đồng thời các kỹ năng: làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, …

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,... nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	TỰ HỌC
1	**Phần 1. Đại cương về tin học** - Thông tin, mã hóa thông tin, đơn vị đo thông tin - Cấu trúc máy tính: cấu tạo và chức năng từng thành phần máy tính.	1	2	4
	- Quản lý thông tin trên máy tính - Hệ điều hành Windows	2	4	8
2	**Phần 2. Microsoft Word** 1. Tổng quan về Microsoft Word 2. Các thao các cơ bản trên Word 3. Định dạng văn bản	2	4	8
	4. Chèn các đối tượng vào văn bản 5. Thao tác với bảng biểu 6. In tài liệu Word 7. Một số thao tác nâng cao	4	8	16
3	**Phần 3. Microsoft Excel** 1. Tổng quan về Microsoft Excel 2. Định dạng dữ liệu trong bảng tính 3. Các thao tác với ô, hàng, cột và khối dữ liệu	2	4	8
	4. Giới thiệu và sử dụng hàm trong Excel 5. Cơ sở dữ liệu trong Excel	2	4	8
	6. Biểu đồ/đồ thị trong Excel 7. In bảng tính	2	4	8
Tổng cộng		**15**	**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, ... trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính:

[1] Bộ môn Tin học, *Giáo trình tin học*, 2015.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010, 2010.

[2]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Excel 2010, 2010.

[3]. Microsoft, Microsoft Word 2010 Step by Step, 2010.

[4]. Microsoft, Microsoft Excel 2010 Step by Step, 2010.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:
  + Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.
  + Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.
- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.
- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: TKHP = (THI × 2 + TH)/3

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.
- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày..... tháng ..... năm 20....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
	Trần Thanh Vân
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Tín chỉ; Lý thuyết: 2 tín chỉ; Thực hành: 0

Phân bổ thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0

Tự học: 60 tiết Lý thuyết: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần trước đó: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị

Giảng viên: Ths Nguyễn Tiến Trưởng, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Đinh Thị Mai Hương, Cn. Đoàn Thị Nguyệt

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sau khi học tập, sinh viên cần hiểu và trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về thái độ, sinh viên có lập trường, quan điểm trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ CHí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Về kỹ năng, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	*Chương mở đầu:* ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	2		4
	I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên			
2	*Chương I:* CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	4		8
	I. Cở hình thành TTHCM II. Quá trình hình thành và phát triển TTHCM			
3	*Chương II:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	4		8
	I. TTHCM về vấn đề dân tộc II. TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc			
4	*Chương III:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	4		8
	I. TTHCM về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. TTHCM về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam			
5	*Chương IV:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4		8

	I. Quan điểm của HCM về bản chất, vai trò của ĐCSVN II. TTHCM về xây dựng ĐCSVN trong sạch, vững mạnh			
6	*Chương V:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	4		8
	I. TTHCM về đại đoàn kết dân tộc II. TTCHM về đoàn kết quốc tế			
7	*Chương VI:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	4		8
	I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước II. Quan điểm của HCM về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả			
8	*Chương VII:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	4		8
	I. Những quan điểm cơ bản của HCM về văn hóa II. TTHCM về đạo đức III. TTHCM về xây dựng con người mới			
Tổng số		**30**		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận, trình chiếu

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận, làm bài tập theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu dạy

- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia

- Tập bài giảng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.* Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh -Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội (2000)

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- *Đánh giá ban đầu*

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Tiến Trung

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa đại cương – vô cơ
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 3 (2/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Liên thông
- Loại môn học:
  - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 3 tiết
  - Thảo luận : 3 tiết
  - Thực hành, thực tập : 30 tiết
  - Tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về đại cương và vô cơ để có khả năng:

Trình bày được cấu tạo hoá học của các hệ vật chất nhờ thừa nhận nguyên lý cơ học lượng tử.

Giải thích được cơ chế, điều kiện phản ứng nhờ áp dụng các định luật của quá trình hóa học.

Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá đại cương vô cơ trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần, 12 chương.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).
2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

- Tài liệu tham khảo:

3/ Lê Thành Phước, Thực tập hóa đại cương - vô cơ, (2004) NXB Đại học Dược Hà Nội
4/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2005), Giáo trình dùng cho Sinh viên Dược hệ chính qui (Quyển I) - NXB Đại học Dược Hà Nội.
5/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2006) - Giáo trình dùng cho sinh viên Dược hệ chính qui (Quyển II) - NXB Đại học Dược Hà Nội.
6/ Lê Thành Phước, Lý thuyết Hóa Đại cương - Vô cơ, (2006) - Giáo trình dùng cho sinh viên Dược hệ chính qui (Quyển III) - NXB Đại học Dược Hà Nội.

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Số tiết
1	Cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn	4
2	Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học	4
3	Phức chất	8
4	Động học	4
5	Nhiệt động học	4
6	Các nguyên tố kim loại và phi kim	6
	Cộng	30

5.2 Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong PTN.	4
2	Bài 2: Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	4
3	Bài 3: Phức chất	4
4	Bài 4: Phản ứng oxi hóa khử	4
5	Bài 5: Kim loại nhóm A	4
6	Bài 6: Kim loại nhóm B	5
7	Bài 7: Phi kim	5
Tổng		30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:…. Đến…	*Chương 1: Các định luật hóa học cơ bản* *Chương 2: Cấu tạo nguyên tử*	2 2					*Đọc quyển …, trang…* *Chuẩn bị câu hỏi …*	
Tuần 2: Từ:…. Đến…	*Chương3: Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học*	3	1		2			
Tuần 3: Từ:…. Đến…	*Chương4: Phức chất*	3	1	1	4			
Tuần 4: Từ:…. Đến…	Chương 5: Nhiệt động học	3	1	1	4			
Tuần 5: Từ:…. Đến…	Chương 6: Động hóa học	3	1	1	4			
Tuần 6: Từ:…. Đến…	Chương 7: Dung dịch	4	1	1	8			
Tuần 7: Từ:…. Đến…	Chương 8: Kim loại và phi kim	4		2	8			

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- ThS. Nguyễn Thị Hương

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	Trưởng Bộ môn
	Vũ Thị Kim Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thiều

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. **Mã số môn học:** Sinh học đại cương
2. **Đối tượng:** Dược học hệ liên thông chính quy
3. **Số tín chỉ:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. **Số tiết học:** 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
5. **Số lần thi:** 2` Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. **Số giờ tự học:** 30
7. **Mục tiêu:**

   1. Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
   2. Trình bày được sự trao đổi vật chất và năng lượng trong cơ thể sống.
   3. Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
   4. Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.
   5. Trình bày được nguồn gốc sự sống, sự tiến hóa và đa dạng của sinh vật.

8. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	Số tiết	Tự học
1	<u>Tế bào</u> **Cấu tạo:** - Học thuyết tế bào - Cấu trúc tế bào Prokaryote - Cấu trúc tế bào Eukaryote **Hoạt động:** - Các kiêu phân bào	3 tiết	6 tiết
2	<u>Sự trao đổi chất và năng lượng</u> - Năng lượng sinh học - Sự trao đổi chất trong tế bào - Enzym - Hô hấp tế bào - Sự quang hợp	3 tiết	6 tiết
3	**Cơ sở của di truyền và biến dị** - Cơ sở phân tử của chất liệu di truyền - Cấu trúc nhiễm sắc thể ở Prokaryote và Eukaryote. - Sao chép ADN, tổng hợp và điều chỉnh sinh tổng hợp protein ở Prokaryote và Eukaryote.	3 tiết	6 tiết

4	**Hoạt động nhân tế bào** - Cấu tạo gen - NST - Di truyền nhiễm sắc thể và di truyền ngoài nhân. - Đột biến và biến dị.	3 tiết	6 tiết
5	**Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học** - Nguồn gốc sự sống - Đa dạng sinh học.	3 tiết	6 tiết
	Tổng số giờ:	**15 tiết**	**30 tiết**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học – tiêu bản vi học	4
2	Hình dạng và nhân tế bào	4
3	Các bào quan trong tế bào	4
4	Trao đổi chất qua màng tế bào	4
5	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
6	Phân bào giảm nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	**30**

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời tự luận

    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: =(điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. **Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết:** TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

13. **Tài liệu học tập:**

Tài liệu dạy học:

1. Cao Văn Thu và cs. (2008), *Sinh học đại cương*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thiều

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 tín chỉ
Phân bố thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết
Số giờ tự học: 60 giờ
Đối tượng sinh viên: DƯỢC LIÊN THÔNG
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Phần tâm lý y học: Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học y học: tâm lý học đại cương, tâm lý người bệnh và tâm lý người thầy thuốc, giao tiếp trong y học và một số liệu pháp tâm lý được sử dụng trong y học.

Phần đạo đức y học: Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản của đạo đức y học, các nguyên tắc y đức cơ bản, các mối quan hệ về mặt y đức giữa nhân viên y tế với nhau, với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Phần Tâm lý:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa của tâm lý học y học là môn học cần thiết cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế với người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Trình bày được một số đặc điểm cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý người thầy thuốc.
3. Nêu được diễn biến tâm lý của người bệnh khi đến khám và nằm viện.
4. Bước đầu hiểu tâm lý người bệnh, biết cách tác động đến tâm lý người bệnh, người nhà bệnh nhân.
5. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc học tập, thực hành và nghiên cứu y dược học.

Phần Đạo đức

1. Trình bày được một số vấn đề cơ bản của Đạo đức y học
2. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức y học
3. Vận dụng được các nguyên tắc đạo đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Phần Tâm lý

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Tâm lý học y học	01	02	Ths. Thiện
2	Tâm lý học nhân cách	01	02	Ths. Thành
3	Gia đình – Xã hội – Stress tâm lý	02	04	Ths. Thành
4	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	03	06	Ths. Thiện
5	Stress tâm lý – Tâm lý lứa tuổi	02	04	Ths. Mai Anh
6	Liệu pháp tâm lý	02	04	Ths. Mai Anh
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	02	04	Ths. Duyên
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	02	04	Ths. Duyên
	Tổng	**15**	**30**	

Phần Đạo đức

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo đức y học thế giới và Việt Nam	02	04	Gs Thức
2	Một số vấn đề cơ bản về đạo đức học	04	08	Ths. Thiện
3	Các nguyên tắc đạo đức y học	02	04	Gs Thức
4	Quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc	03	06	Ths. Hiếu
5	Quan hệ giữa thầy thuốc với đồng nghiệp và với cộng đồng	02	04	Ths. Hiếu
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	02	04	BS. Linh
	Tổng	**15**	**30**	

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Giảng lý thuyết trên lớp, Xermina, DH dự án

5.2. Phương pháp học:

- Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.

- Sinh viên tự học: tự học theo giáo trình và sách tham khảo mà bộ môn giới thiệu. Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.
- Tham gia nhóm học tập, diễn đàn

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng Đạo đức y học – ĐH Y Dược Hải Phòng, NXB Y học, 2014
- Bài giảng Tâm lý đạo đức y học do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Tâm lý y học, Nguyễn Văn Nhận – NXB Y học 2006
- Những bậc thầy nổi danh về y đức – NXB Y học, 2013
- Những chỉ dẫn quốc tế về đạo đức cho các nghiên cứu y sinh có đối tượng nghiên cứu liên quan đến con người – NXB thống kê 2010

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên
- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập
- Kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần : Thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Công thức tính điểm tổng kết học phần: TKHP = LT

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM.BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	Phùng Chí Thiện

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 1 – NGÀNH DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN1

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ nhất

Học phần tiên quyết: không có

Học phần học trước: không có

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN1 là học phần mở đầu của môn học ngoại ngữ, nhằm củng cố kiến thức ngữ pháp cơ bản và từ vựng của trình độ A.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và từ vựng đơn giản ở trình độ A.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản trình độ A
- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Unit 1. Hello everybody. Page 6-8: Introductions; Countries	3		6
2	Unit 1. Continued Page 9: Reading and writing Page 10: Vocabulary and Pronunciation Page 11: Everyday English	3		6
3	Unit 2. Meeting people Page 12-13: Who is she? Page 16: Vocabulary-Opposites	3		6
4	Unit 2. Continued. Page 14-15: Patrick's family Page 18-19: Everyday English	3		6
5	Unit 2. Continued Page 16-17: Reading and Listening	3		6
6	Unit 3. The world of work Page 20-21: Three jobs Page 27: Everyday English - What time is it?	3		6
7	Unit 3. Continued Page 22-23: What does he do? Page 26: Vocabulary and Pronunciation – Jobs Using pronouns page 114	3		6
8	Unit 3. Continued Page 24-25: Reading and Listening: Seumas McSporran MIDTERM TEST	3		6
9	Unit 4. Take it easy. Page 28-30: Weekdays and weekends, Practice	3		6
10	Unit 4. Continued Page 31: Vocabulary and Speaking- leisure activities Page 34-35: Speaking; Everyday English-social expressions	3		6
11	Unit 4. Continued Page 32-33: Reading and Listening- My favourite seasons	3		6
12	Unit 5. Where do you live	3		6

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
	Page 36-37: What's in the living room?			
13	Unit 5. Continued. Page 38-39: What's in the kitchen?	3		6
14	Unit 5. Continued. Page 40-41: Reading and Speaking-living in a bubble Page 43: Everyday English-directions	3		6
15	Unit 5. Continued. Page 42: Listening and Speaking-homes around the world Linking words page 116	3		6
		45		90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận....

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình New Headway Elementary (The Third Edition) – Oxford University Press.

7.2. Tài liệu tham khảo

- "Essential Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press
- "English Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Điểm chuyên cần: được đánh gía dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 90 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=Thi Viết

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

TKHP lần 2 =Thi Viết lần 2

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Th.S. Nguyễn Chí Hiền
GS.TS. Phạm Văn Chức	

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 2 – NGÀNH DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN2

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1

Học phần học trước: NN1

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN2 là học phần tiếp theo của học phần NN1, nhằm củng cố kiến thức ngữ pháp cơ bản và từ vựng của trình độ A.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và từ vựng đơn giản ở trình độ A.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản trình độ A
- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Unit 6. Can you speak English? Page 44-45: What can you do? Page 50: Vocabulary and Pronunciation- Words that sound the same	3		6
2	Unit 6. Continued Page46-47: Where were you yesterday? Page 51: Everyday English- On the phone	3		6
3	Unit 6. Continued Page 48-49: Reading and Speaking- Talented teenagers	3		6
4	Unit 7. Then and now Page 52-54: When I was young, Practice	3		6
5	Unit 7. Continued Page 54-55: The year I was born	3		6
6	Unit 7. Continued Page 56-57: Two famous firsts	3		6
7	Unit 7. Continued. Page 58: Vocabulary and listening-Words that go together Page 59: Everyday English- What's the date?	3		6
8	Unit 8. A date to remember Page 60-62: Famous inventions; Practice Linking words p.119	3		6
9	Unit 8. Continued Page 64: Vocabulary and Pronunciation - Silent letter Page 65: Everyday English - Special Occasions MIDTERM TEST	3		6
10	Unit 9. Food you like Page 66-68: Food and Drink; Practice	3		6
11	Unit 9. Continued Page 68-69: At the market	3		6
12	Unit 9. Continued Page 70-71: Reading and Speaking- Food around the world Page 73: Everyday English- Polite requests	3		6
13	Unit 10. Bigger and better	3		6

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
	Page 74-75: City life Page 75-76: Country life - have got			
14	Unit 10. Continued Page 76-77: Paradise islands - superlative adjectives Page 80: Vocabulary and pronunciation: city and country words	3		6
15	Unit 10. Continued Page 78-79: Reading and Speaking- Viva la danza Linking words (p.121)	3		6
		45		90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận....

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình New Headway Elementary (The Third Edition) – Oxford University Press.

7.2. Tài liệu tham khảo

- "Essential Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press
- "English Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Điểm chuyên cần: được đánh gía dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 90 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=Thi Viết

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

TKHP lần 2 =Thi Viết lần 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Th.S. Nguyễn Chí Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 1)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN 3, 2, 3,2

- Mã số học phần:
- Tên học phần: Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1.
- Tổng số tín chỉ: 2 (2/0) Lý thuyết: 2
- Phân bố thời gian Lý thuyết: 30
- Tự học: Lý thuyết: 60
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YHCT, YHDP
- Học phần tiên quyết:
- Học phần trước:
- Học phần song hành:
- Bộ môn phụ trách: Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1, bao gồm các chương:

- Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương II: Phép biện chứng duy vật
- Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- *Về kiến thức:* Sau khi học xong, sinh viên cần nắm và trình bày được những nội dung cơ bản về Triết học Mác - Lênin; làm cơ sở để xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin vào nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- *Về thái độ:* Giúp cho sinh viên nâng cao niềm tin vào quá trình đổi mới ở nước ta, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	NỘI DUNG		SỐ TIẾT	
		LT	TH	Tự học
1	Chương mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN	2		4
	I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học "Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin"			
2	Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		6
	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức			
3	Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	12		24
	I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			
4	Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	13		26

	I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội. V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp. VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.			

5. Phương pháp dạy - học

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Bộ môn Lý luận chính trị: *Tập bài giảng Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- *Đánh giá ban đầu*

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Người Tiến Tùng
GS.TS. Phạm Văn Chiến	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 2)

1. Thông tin chung về học phần

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 Tiết Lý thuyết: 45 tiết; Thực hành: 0
- Số tiết tự học: 90 tiết Lý thuyết 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1**
- Học phần học trước:
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. Mô tả học phần:

Phần 1: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Chương IV: Học thuyết giá trị.

Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư.

Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội:

Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Mục tiêu của học phần:

** Về kiến thức:* Sau khi học, sinh viên cần hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản về học thuyết kinh tế- chính trị và lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin.

** Về kỹ năng:* Vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao nhận thức và hoạt động thực tiễn.

** Về thái độ:* Xây dựng ý thức và bản lĩnh chính trị đúng đắn cho sinh viên, củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn..

4. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG		SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
Học phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa		25		50
Chương 4: Học thuyết giá trị		7		14
4.1	Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá			
4.2	Hàng hoá			
4.3	Tiền tệ			
4.4	Quy luật giá trị			
Chương 5 : Học thuyết giá trị thặng dư		*8*		*16*
5.1	Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản			
5.2	Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản			
5.3	Tiền công trong chủ nghĩa tư bản			
5.4	Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích luỹ tư bản			

5.5 Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư			
5.6 Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.			
Chương 6: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	5		*10*
6.1 Chủ nghĩa tư bản độc quyền			
6.2 Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước			
6.3 Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại			
6.4 Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB			
Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội	20		*40*
Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	8		16
7.1 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân			
7.2 Cách mạng xã hội chủ nghĩa			
7.3 Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa			
Chương 8: Những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.	7		14
8.1 Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa			
8.2 Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa			
8.3 Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo			
Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	5		*10*
9.1 Chủ nghĩa xã hội hiện thực			
9.2 Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội			

xô viết và nguyên nhân của nó			
9.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội			
Tổng cộng	45		90

5. Phương pháp dạy - học

5.1 Phương pháp dạy: Phương pháp thuyết trình, Phương pháp vấn đáp, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Tập bài giảng: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Bộ môn Lý luận chính trị biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình các môn học: Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Hội đồng lý luận trung ương; Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Hội đồng lý luận trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2015.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- *Đánh giá ban đầu*

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp.

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiến	Nguyễn Tiến Trung

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa (6 năm) năm 4; Bác sỹ đa khoa (4 năm) năm 2; BS Răng hàm mặt năm 2; Dược sĩ(5 năm) năm 2; Dược sĩ (4 năm) năm 2; Bác sĩ y học cổ truyền năm 2.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi SK
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục SK
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi

3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
4.	Nội dung TT-GDSK	4		8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	12	Ths. Trần Thị Bích Hồi
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	**60**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

VẬT LÝ

I.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Mã học phần:
2. Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
3. Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành : 30
4. Số giờ tự học (tiết): 75
5. Đối tượng sinh viên : Dược chuyên tu
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y Vật Lý.

II.MÔ TẢ VỀ HỌC PHẦN

Môn học Y Vật lý – Lý sinh bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết và 1đơn vị học trình thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1.Trình bày một số kiến thức cơ bản của Vật lý đại cương: cơ học, nhiệt học, điện từ, quang học và vật lý hạt nhân.

2. Trình bày các nguyên lý của nhiệt động lực học, điện học và quang học.

3. Trình bày được cấu tạo và chuyển động của các trạng thái vật chất: khí, lỏng.

4. Trình bày được nguyên tắc vật lý trong các máy móc, dụng cụ phân tích dùng trong ngành dược.

5. Biết cách xác định một số hằng số vật lý và một số phương pháp định tính, định lượng ứng dụng trong ngành dược.

6. Giải thích các hiện tượng trong tự nhiên, trong kĩ thuật, một số hiện tượng Lý – Sinh ở cơ thể người và ứng dụng trong chẩn đoán, chữa bệnh.

IV. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là
- Th.S Đào Việt Phương

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI HỌC	SỐ GIỜ GIẢNG		TỰ HỌC
		LT	TH	
	Phần thứ nhất: CƠ HỌC		10	10
1	Chương 1: DAO ĐỘNG VÀ SÓNG 1.1Chuyển động dao động 1.2Chuyển động sóng 1.3Sóng âm 1.4Hiệu ứng Doppler và ứng dụng	4		4
2	Chương 2: CƠ HỌC CHẤT LƯU 2.1 Đặc điểm của chất lưu. 2.2 Tĩnh học chất lưu. 2.3 Động học chất lưu lý tưởng. 2.4 Hiện tượng nhớt và ứng dụng.	4		6
	Phần thứ hai: NHIỆT HỌC		10	10
3	Chương 3: CÁC Đ.LUẬT THỰC NGHIỆM VỀ CHẤT KHÍ 3.1 Thuyết động học chất khí và khí lý tưởng 3.2 Phương trình trạng thái của khí lý tưởng.	4		6
4	Chương 4: CHẤT LỎNG 4.1 Cấu tạo và chuyển động phân tử của chất lỏng 4.2 Các hiện tượng mặt ngoài của chất lỏng. 4.3 Hiện tượng mao dẫn. 4.4 Hiện tượng sôi và hiện tượng bay hơi	4		4
	Phần thứ ba: ĐIỆN TỪ		10	5
5	Chương 5: TĨNH ĐIỆN 5.1 Khái niệm mở đầu. 5.2 Định luật Coulomb.	4		6

	5.3 Điện trường của các điện tích điểm. 5.4 Điện thế. Hiệu điện thế.			
6	Chương 6: DÒNG ĐIỆN KHÔNG ĐỔI 6.1 Các khái niệm mở đầu. 6.2 Các đại lượng đặc trưng của dòng điện.	2		6
7	Chương 7: TỪ TRƯỜNG CỦA DÒNG ĐIỆN KHÔNG ĐỔI 7.1 Thí nghiệm về tương tác từ của dòng điện. 7.2 Định luật Ampere về tương tác từ của dòng điện. 7.3 Vecto cảm ứng từ. Vecto cường độ từ trường	4		6
8	Chương 8: CẢM ỨNG ĐIỆN TỪ 8.1 Thí nghiệm về hiện tượng cảm ứng điện từ. 8.2 Các định luật cơ bản của cảm ứng điện từ. 8.3 Một số trường hợp đặc biệt của cảm ứng điện từ.	4		6
	TỔNG	30	30	75

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học:

Truyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài giảng.

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn biên soạn.

2. Tài liệu tham khảo

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần:* sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.
- *Kiểm tra thường xuyên:* sinh viên hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần)

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH HỌC

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 45 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 120 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh – Miễn dịch

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh lý

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Trưởng BM Nhi
3	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Phó trưởng BM Truyền nhiễm
4	TS.BS. Vũ Mạnh Tân	Phó trưởng BM Nội
5	ThS.BS. Nguyễn Thuý Hiếu	Giảng viên BM Y học gia đình
6	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên BM Y học gia đình
7	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên BM Y học gia đình
8	ThS.BS. Phạm Thuý Hằng	Giảng viên BM Dược lý
9	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	BS. Nguyễn Minh Thảo	Giảng viên BM Dược lý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh phổ biến.

Về kiến thức: sinh viên sau khi học xong môn học có thể biết được các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên nhân gây bệnh.

Về kỹ năng: sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và giao tiếp với bệnh nhân, kỹ năng làm việc nhóm.

Về thái độ: sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong làm việc nhóm và thực hành, tôn trọng và hết lòng với bệnh nhân.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	LT	TH	Tự học
1	Đại cương	4	0	
2	Bệnh học Máu và cơ quan tạo máu	4	3	8
3	Bệnh lý chuyển hóa: Đái tháo đường; Gout & tăng lipid	4	4	8
4	Bệnh lý hô hấp: Viêm phổi; Hen phế quản; COPD	8	8	15
5	Bệnh lý thận-tiết niệu: Nhiễm khuẩn tiết niệu; Suy thận; Hội chứng thận hư	8	4	15
6	Bệnh học nhi khoa: Viêm đường hô hấp; Tiêu chảy; Thận-tiết niệu-sinh dục	4	8	10
7	Bệnh lý cơ-xương-khớp: Viêm khớp dạng thấp	4	3	8
8	Bệnh truyền nhiễm: Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	4	2	10
9	Bệnh lý tim mạch: Suy tim; Tăng huyết áp	8	4	15
10	Bệnh lý tiêu hóa: Viêm, loét dạ dày-tá tràng; Nhiễm khuẩn tiêu hóa	4	4	10
11	Bệnh lý thần kinh: Động kinh; Parkinson; Alzheimer	4	3	8
12	Dị ứng – Miễn dịch- bệnh hệ thống	4	2	8

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình; làm việc nhóm.
- Thực hành: Thảo luận ca bệnh, bình bệnh án.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên ở lớp: nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: đọc và tra cứu tài liệu; chuẩn bị bài theo nhóm.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Bệnh học – BM Dược Lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Triệu chứng học Nội khoa tập 1,2 (2017), NXB Y học
- Nhi khoa tập 1,2 (2015), NXB Y học
- Triệu chứng học Ngoại khoa (2017), NXB Y học
- Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc : Dùng cho bác sỹ và dược sỹ tuyến cơ sở (2000), NXB Y học
- Tài liệu tập huấn sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị: Tài liệu dùng cho đào tạo liên tục bác sĩ, dược sĩ bệnh viện (2005), NXB Hà Nội
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Drug therapy 2000 : Milo Gibaldi Ph.D. - New york : McGraw – Hill
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy hand book 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp, thực tập (đi học đầy đủ).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = Điểm lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

KHOA DƯỢC HỌC

PGS.TS Nguyễn Văn Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45

Đối tượng sinh viên: Dược liên thông

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản nhất về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
3. Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập các môn học của chuyên ngành.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Mở đầu. Đại cương cơ, xương, khớp.	1	2
2	Cơ - mạch - thần kinh chi trên	1	2
3	Cơ - mạch - thần kinh chi dưới	1	2
4	Động mạch, tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ. Tai, mắt	1	2
5	ĐC tuần hoàn, tim. Các ĐM, TM lớn ngực bụng	2	4
6	Khí quản, phổi, màng phổi	2	4
7	Miệng, răng, lưỡi, hầu, thực quản,	1	2
8	Phúc mạc, dạ dày, tiểu tràng, đại tràng	1	2
9	Gan, cuống gan. Tá tràng, tuỵ, lách	1	2
10	Tiết niệu – Hệ sinh dục nam nữ	1	2
11	ĐC hệ TK, tuỷ sống. Thân não, tiểu não, gian não	1	2
12	Bán cầu đại não. Đường dẫn truyền thần kinh. Hệ thống não thất	1	2
13	Các dây thần kinh sọ. Hệ TK tự chủ. Màng, mạch não	1	2
Tổng		**15**	**30**

5.2 Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Cơ, mạch, thần kinh chi trên	4	2
2	Cơ, mạch, thần kinh chi dưới	4	2
3	Cân cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình, ống bẹn	2	1
4	Đ/c tuần hoàn, tim, mạch máu lớn ở cổ, ngực, bụng	4	2
5	Cơ quan hô hấp	4	2
6	Hệ tiêu hóa và các tuyến phụ thuộc	4	2
7	Hệ tiết niệu, sinh dục	4	2
8	Thần kinh sọ não, thực vật, các tuyến nội tiết	4	2
Tổng		**30**	**15**

6.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Giải phẫu thần kinh – Nguyễn Hữu Chỉnh – NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1, 2, 3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y…

Atlas GP Fank H. Netter

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc. (bản mềm)

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn….

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi tự luận

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thiều	Nguyễn Bảo Trân

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Hữu cơ
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 3(2/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược Liên thông
- Loại môn học:
    - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
    - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
    - Làm bài tập trên lớp : 4 tiết
    - Thảo luận : 4 tiết
    - Thực hành, thực tập : 30 tiết
    - Tự học : 60giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất, bước đầu có khả năng nghiên cứu, tổng hợp chất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ để có khả năng:

1. Trình bày được danh pháp, phương pháp điều chế chính, tính chất hóa học cơ bản của acid cacboxylic và dẫn chất, amin, hợp chất diazoic và azoic, lipid, hydrat cacbon…
2. Sử dụng thành thạo các thiết bị thiết yếu, dụng cụ trong tổng hợp, điều chế một số chất thuốc cơ bản có gốc hữu cơ.
3. Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần lí thuyết và thực hành.

+ Phần lí thuyết gồm tên gọi, điều chế, tính chất chính của các chất hữu cơ. Cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

3/ Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

Phần 1

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Cấu tạo các hợp chất hữu cơ	2
2	Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ	2
3	Đồng phân	2
4	Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ	2
5	Các phương pháp xác định cấu trúc các hợp chất hữu cơ	2
6	Hydrocacbon mạch hở	2
7	Hydrocacbon cyclanic và dẫn chất	2
8	Hydrocacbon terpenic và dẫn chất	2
9	Hydrocacbon thơm	2

10	Dẫn xuất halogen và hợp chất cơ kim	2
11	Dẫn xuất sulfon và nitro hóa của hydrocacbon	2
12	Alcol, phenol, thioalcol, ether	4
13	Andehyd, ceton, quinon	4
Tổng		30

Phần 2

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
1	Acid cacboxylic và dẫn chất (clorid acid, anhydrid acid, amid, este..)	3
2	Acid cacboxylic hỗn chức (hydroxyl acid, phenolacid, andehydacid, cetonacid)	2
3	Dẫn chất của acidcabonlic (acid carbamid, ure, ureid, thioure)	2
4	Amin	2
5	Hợp chất diazoic, azoic	2
6	Các hợp chất màu	1
7	Lipid	2
8	Hydrat cacbon (polysaccharide)	2
9	Aminoacid, peptid, protein	2
10	Hợp chất dị vòng	2
	Cộng	20

5.2 Thực hành

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
1	Nội quy, dụng cụ thí nghiệm. Xác định nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy	5
2	Phản ứng oxy hóa – Điều chế acid benzoic	5
3	Phản ứng nitro hóa – Điều chế Nitrobenzen	5
4	Phản ứng ester hóa – Điều chế ethyl acetate	5
5	Tổng hợp một số thuốc thử điển hình – Điều chế Aspirin	5
7	Phản ứng halogen hóa – Điều chế ethyl bromid	5
	Cộng	30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				

						cứu		
1	Acid cacboxylic và dẫn chất (clorid acid, anhydrid acid, amid, este..)	4		1	10	6	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 15 Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
2	Acid cacboxylic hỗn chức (hydroxyl acid, phenolacid, andehydacid, cetonacid)	4		1	10	4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 74 Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
3	Dẫn chất của acidcacbonic (acid carbamid, ure, ureid, thioure)	2		1	10	4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 96 Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
4	Amin	4		1		4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 103 Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
5	Hợp chất diazoic, azoic	2				4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 130.*	
6	Các hợp chất màu	1				2	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 141 Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
7	Lipid	4		1		4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 156. Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
8	Hydrat cacbon (polysaccharide)	2		1		4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 168. Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	
9	Aminoacid, peptid, protein	3		1		4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang*	

							203. Chuẩn bị câu hỏi trong bài	
10	Hợp chất dị vòng	2		1		4	*Đọc quyển: Hóa học Hữu cơ 2, trang 232. Chuẩn bị câu hỏi trong bài*	

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS. Bùi Ngọc Tân
- ThS Ngô Thanh Hường

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Trưởng Bộ môn

Vũ Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa Lý Dược
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 2 (1/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học Dược – hệ liên thông
- Loại môn học:
  - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 2 tiết
  - Thảo luận : 1 tiết
  - Thực hành, thực tập : 30 tiết
  - Tự học : 30 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

Sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hoa lý dược để có khả năng:

1. Hiểu biết được đặc điểm vật lý và hóa học của các hệ phân tán.
2. Nắm được tính chất cũng như cách điều chế các hệ phân tán, đặc biệt là hệ keo.
3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá lý dược trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần lí thuyết và thực hành, tổng cộng 7 chương.

+ Sau khi học xong phần lí thuyết gồm, cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Giáo trình Hoá Lý Dược – Đỗ Minh Quang, nxb Y học năm 2011

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Lý thuyết
1	Nhiệt động học	3
2	Cân bằng pha	2
3	Động hóa học	2
4	Điện hóa học	2
5	Hấp phụ, chất hoạt động bề mặt	2
6	Dung dịch keo	2
7	Cao phân tử	2
	Cộng	15

5.2 Thực hành

STT	Tên chương trình – Bài học	Số tiết
1	Điều chế nhũ tương 1	6
2	Điều chế nhũ tương 2	6
3	Xác định đường đẳng nhiệt hấp phụ của than hoạt tính	6
4	Điều chế và xác định các tính chất của hệ keo	6
5	Xác định ngưỡng keo tụ	6
6	Động học phản ứng xà phòng hóa natriaxetat	6
	Cộng	30

5.3 Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:…. Đến…	Nhiệt động học	2	0,5	0,5		4h	*Đọc quyển …, trang…* *Chuẩn bị câu hỏi …*	
Tuần 2: Từ:…. Đến…	Cân bằng pha	2	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 3: Từ:…. Đến…	Động hóa học	2	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 4: Từ:…. Đến…	Điện hóa học	2	0,5	0,5	5	6h		
Tuần 5: Từ:…. Đến…	Hấp phụ, chất hoạt động bề mặt	2	1	1	5	4h		
Tuần 6: Từ:…. Đến…	Dung dịch keo	1	0,5	0,5	5	4h		
Tuần 7: Từ:…. Đến…	Cao phân tử	2	0,5	0,5	5	4h		

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học**

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. **Chịu trách nhiệm giảng dạy:**
- TS. Nguyễn Văn Dưỡng

11. **Cơ sở vật chất:** Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	Trưởng Bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thiều	Vũ Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa phân tích
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 3(2/1)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Dược sỹ - Liên thông
- Loại môn học:
  - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 3 tiết
  - Thảo luận : 3 tiết
  - Thực hành, thực tập : 30 tiết
  - Tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Dược sĩ có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:

Trình bày đực nguyên tắc các phương pháp hóa học

Giải thích được cơ chế, điều kiện áp dụng của từng phương pháp

Vận dụng trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học gồm 18 chương.

+ Sau khi học xong phần lí thuyết gồm, cuối chương trình học viên phải làm bài kiểm tra kết thúc học phần.

+ Phần thực hành học song song với phần lý thuyết.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

Hóa phân tích 1, 2, ĐH Dược Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Tên chương – Bài học	Lý thuyết	Thực hành
1	Đại cương về hóa phân tích; Các cách biểu diễn nồng độ và xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích	2	0
2	Phân tích khối lượng	2	4
3	Phân tích thể tích	2	0
4	Chuẩn độ axit - bazo	2	4
5	Chuẩn độ tạo phức	2	5
6	Chuẩn độ kết tủa	3	4
7	Chuẩn độ oxy hóa khử	2	8
8	Đại cương về Phân tích công cụ	3	0
9	Đại cương về Phân tích quang học	3	0
10	Quang phổ hấp thụ phân tử	3	5
11	Đại cương về sắc ký	3	0
12	Sắc ký lỏng	3	0
	Cộng	30	30

5.2 Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài1: Phương pháp khối lượng	4
2	Bài 2: Phương pháp acid - base	4
3	Bài 3: Phương pháp định lượng bằng pemanganat	4
4	Bài 4: Phương pháp định lượng bằng iod	4
5	Bài 5: Phương pháp định lượng bằng bạc	4
6	Bài 6: Phương pháp định lượng bằng complexon	5

7	Bài 7: Phương pháp đo quang	5
Tổng		30

5.3 *Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)*

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1	*Chương 1: Đại cương về hóa học phân tích Chương 2: Nồng độ dung dịch Chương 3: xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích*	1,5	0,5	0,5	0	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 17-27, 27-32, 35-44. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 1	*Chương 6: Phân tích khối lượng*	1,5	0,5	0,5	4	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 130 -144. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 2	*Chương 7: Đại cương về phân tích thể tích*	1,5	0,5	0,5	0	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 145 -155. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 2	*Chương 4: Cân bằng hóa học trong dung dịch Chương 8: chuẩn độ axit bazo*	1,5	0,5	0,25	4	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 54 -79, 157 - 185. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 3	*Chương 4: Cân bằng hóa học trong dung dịch Chương 9: Chuẩn độ tạo phức*	1,5	0,5	0,5	5	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 79 -92, 185 - 202. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 3	*Chương 5: Cân bằng hòa tan kết tủa Chương 9:*	2,5	0,5	0,5	4	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 112-127; 203 - 216. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	

	Chuẩn độ kết tủa							
Tuần 4	*Chương 5: Cân bằng hóa học trong dung dịch Chương 9: Chuẩn độ oxi hóa khử*	1,5	0,5	0,5	8	4	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 92 - 112; 216 - 235. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 4	*Chương 1: Đại cương về Phân tích công cụ*	2,5	0	0,5	0	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 2, trang 17-24. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 5	*Chương 2: Đại cương về Phân tích quang học*	2,5	0	0,5	0	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 2, trang 26-43. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 5	*Chương 3: Quang phổ hấp thụ phân tử*	2,5	0,5	0,25	5	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 43 -72. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 6	*Chương 8: Đại cương về sắc ký*	2,5	0,5	0,25	0	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 123-146. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	
Tuần 6	*Chương 10: Sắc ký lỏng*	2,5	0,5	0,25	0	6	*Đọc quyển: Hóa phân tích 1, trang 168- 215. Chuẩn bị câu hỏi cuối bài*	

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS.TS. Vũ Thị Kim Loan
- ThS. Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	Trưởng Bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thiều	Vũ Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DHẢI PHÒNG
BỘ MÔN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH
ĐỐI TƯỢNG: DƯỢC SĨ ĐA KHOA HỆ LIÊN THÔNG

1. Mã số môn học: HS
2. Số tín chỉ: 3 đvht; Lý thuyết: 2; Thực hành: 1 đvht
3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 30 tiết
4. Số lần thi: 2 Lý thuyết 1, thực hành 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
    1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
    2. Trình bày được các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
    3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập các môn học chuyên ngành

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	HHProtid, Enzyme	4	4
2	NLSH, CH aa	4	0
3	Hóa học, CH Glucid	4	2
4	Hóa học, CH Lipid	3	2
5	Hormon, CHMN	4	4
6	HS thận- NT, AB	4	4
7	Hb, HS gan	4	4
8	HS máu	3	10

	Cộng	30	30

GV giảng dạy: PGS Phạm Thị Lý, Ths Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo, Dương Thị Minh Thoa, Bùi Thị Hương Giang.

KTV: Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Phương Hạnh, Vũ Thị Trang Linh.

*** Nội dung cụ thể cho từng bài**

- Lý thuyết

Bài 1: Bài mở đầu và hoá học protid

1. Khái niệm, mục tiêu học môn hoá sinh
2. Đơn vị dùng trong hoá sinh
3. Một số danh pháp sử dụng trong hóa sinh

*** Hoá học protid**: sau 1 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Định nghĩa acid amin, công thức tổng quát
2. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch, nhu cầu cơ thể
3. Mô tả tính chất, vai trò của acid amin, ứng dụng
4. Trình bày khái niệm peptid, một số peptid sinh học
5. Trình bày khái niệm protein, cấu trúc bậc, phân loại protein, ví dụ minh hoạ;
6. Mô tả tính chất, vai trò của protein, ứng dụng

Bài 2: Enzym: sau 1 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ
2. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme
3. Phân loại coenzyme. Mối liên quan giữa vitamin và coenzyme

Bài 3: Chuyển hoá acid amin, a nucleic: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được sự tiêu hoá protein, peptid
2. Mô tả sự thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa.

3. Mô tả thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa
4. Trình bày số phận NH_3, chu trình ure: nguyên liệu, các phản ứng, kết quả
5. Mô tả vai trò của mononucleotide
6. Kết quả quá trình thoái hoá base nitơ nhân purin

Bài 4: Năng lượng sinh học: sau 1 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Mô tả được nguyên liệu, kết quả CHHTB
2. Trình bày được sự phosphoryl-oxy hoá, cho vi dụ minh hoạ
3. Kể tên các liên kết giàu năng lượng, cho ví dụ minh hoạ
4. Trình bày được vị trí, bản chất, kết quả, ý nghĩa chu trình Krebs.

Bài 5: hoá học glucid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Định nghĩa và cách gọi tên monosaccarid,
2. Mô tả tính chất của monosaccarid, ứng dụng
3. Trình bày tên, công thức cấu tạo, tính chất, vai trò của một số disaccarid thường gặp
4. Phân loại, cấu tạo, và vai trò của polysaccarid

Bài 6: Chuyển hoá glucid: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được quá trình tiêu hoá glucid
2. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexodiphosphat (con đường đường phân) trong điều kiện hiếu khí và yếm khí: vị trí, kết quả, ý nghĩa
3. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexomonophosphate (chu trình pentose phosphate): vị trí, kết quả, ý nghĩa
4. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường uronic
5. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glucose
6. Trình bày một số rối loạn chuyển hoá glucid

Bài 7: hoá học lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày định nghĩa, vai trò của lipid
2. Phân loại lipid thuần, cho ví dụ, vai trò từng loại

3. Phân loại lipid tạp, cho ví dụ, vai trò từng loại
4. Trình bày thành phần cấu tạo, cấu trúc, vai trò của lipoprotein

Bài 8: Chuyển hoá lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày được sự tiêu hoá lipid
2. Trình bày được sự thoái hoá acid béo: vị trí, các bước, các giai đoạn của quá trình beta oxy hoá, kết quả
3. Mô tả sự hình thành thể cetonic và thoái hoá
4. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương và ty thể: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
5. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 9: Hormon: sau 2 tiết, sinh viên phải

1. Định nghĩa, phân loại hormone, mỗi loại cho một ví dụ
2. Trình bày được nguyên tắc tác dụng của hormone.
3. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone tan trong nước (adrenalin), hormone steroid.
4. Trình bày các chất truyền tin thứ 2 (truyền tin nội bào)
5. Trình bày các phản ứng tổng hợp, thoái hoá của catecholamine, thyrocin

Bài 10: Chuyển hoá muối nước: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của nước và một số chất điện giải trong cơ thể
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự vận chuyển nước giữa gian bào và lòng mạch
3. Vẽ sơ đồ trao đổi nước giữa gian bào và lòng mạch.
4. Vẽ sơ đồ trao đổi muối giữa tế bào và gian bào
5. Mô tả các loại rối loạn chuyển hoá muối nước
1. Mô tả các loại rối loạn thăng bằng acid-base

Bài 11: Hb: sau 2tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được cấu tạo và vai trò của Hb
2. Mô tả được tính chất của Hb, ứng dụng

3. Trình bày được nguyên liệu, vị trí, các rối loạn tổng hợp Hb
4. Vẽ sơ đồ thoái hoá Hb tạo sắc tố mật
5. Trình bày rối loạn thoái hoá Hb

Bài 12: Hoá sinh gan: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày chức năng chuyển hoá của gan, các xét nghiệm hoá sinh đánh giá suy chức năng chuyển hoá
2. Trình bày chức năng tạo và bài tiết mật của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật
3. Trình bày chức năng khử độc của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc
4. Trình bày một số xét ngiệm hoá sinh đánh giá tổn thương gan.

Bài 13: Thăng bằng acid-base: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa hệ đệm, các hệ đệm trong huyết tương và huyết cầu
2. Trình bày cơ chế đệm của hệ đệm bicarbonate, Hb
3. Trình bày vai trò điều hoà thăng bằng acid - base bởi phổi và thận
4. Mô tả các xét nghiệm đánh giá thăng bằng acid base

Bài 14: Hoá sinh thận- nước tiểu: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiết nước tiểu
2. Trình bày được chức năng nội tiết của thận, bệnh lý liên quan
3. Trình bày được chức năng thăng bằng acid- base của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid, base
4. Kể tên các chất bất thường trong nước tiểu và một số bệnh lý liên quan

Bài 15: Hoá sinh máu: sau 3 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được nồng độ bình thường, bất thường của một số chất điện giải và các bệnh lý liên quan
2. Trình bày được: nguồn gốc, nồng độ bình thường, bất thường của một số chất hữu cơ không enzyme trong máu, các bệnh lý thường gặp

3. Trình bày được: nguồn gốc, hoạt độ bình thường, bất thường của một sô enzyme huyết thanh, các bệnh lý liên quan
4. Trình bày được nồng độ một số hormone thường gặp, bệnh lý liên quan
5. Trình bày một số chỉ dấu khối u, giá trị bình thường, bệnh lý liên quan

- Thực hành:

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *giải thích được kết quả* và *ứng dụng* từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Với mỗi bài thực hành, sinh viên cần chuẩn bị trước nguyên lý các phản ứng, ngoài ra, sinh viên cần chuẩn bị các nội dung theo hướng dẫn sau:

Tên bài	Nội dung	Phần lý thuyết cần chuẩn bị
Bài 1: Glucid - Lipid	Hướng dẫn sử dụng dụng cụ 1. Phản ứng Fehling 2. Phản ứng xác định tính khử của disaccarid 3. Tìm acid lactic trong cơ 4. Nhũ tương hoá dầu lạc	 Định nghĩa monosaccarid Công thức cấu tạo của monosaccarid Tính chuyển dạng và tính khử của monosaccarid. Cấu tạo và tính khử của disaccarid Thoái hoá glucid theo con đường đường phân Định nghĩa lipid. Phân loại lipid
Bài 2: Protid - enzym	1. Phản ứng biure 2. Tủa protein bằng nhiệt độ 3. Tủa protein bằng KL nặng 5. Hoạt động của enzyme transaminase, catalase	Định nghĩa peptid, protein. Tính chất của peptid. Tính chất hoà tan, kết tủa, biến tính của protein

		Khái niệm về enzyme. Phân loại enzyme. Phân bố, phân nhóm, hoạt động xúc tác của enzyme catalase.
Bài 3: NLĐQ, Máu, Nước tiểu	1. Nguyên lý đo quang 2. Định lượng albumin, protein, calci, huyết thanh 3. Tìm protein niệu 4. Phản ứng Rivalta	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm albumin, protein, calci huyết thanh, protein niệu
Bài 4: Máu, nước tiểu	1.Định lượng glucose, choles, tri, HDL-C, huyết thanh 2. Tìm glucose, cetonic trong nước tiểu.	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm glucose, cholesterol, triglyceride, huyết thanh?
Bài 5	1.Định lượng ure, creatinin; acid uric huyết thanh 2. Tổng phân tích nước tiểu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm ure, creatinin, acid uric
Bài 6: XNĐG CN gan	1. Định lượng bilirubin tp, tt 2.Đo hoạt độ AST, ALT, 3. Tìm STM, MM niệu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm bilirubin tp, tt AST, ALT, huyết thanh và STM, MM niệu
Bài 7	Đo hoạt độ amylase, CK Phân tích phiếu xét nghiệm	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm amylase, CK trong huyết thanh

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: phỏng vấn nhanh
- Trong khi học: kiểm tra bài cũ
- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi - Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

- Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm; chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được

- Điểm học phần = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Hoá sinh, dành cho DSĐK, Nxb Y học 2007

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYHP

10. Tài liệu tham khảo:

Hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Nxb Y hoc, 2009

Tài liệu thực hành, bộ môn Hóa sinh, ĐHYHN, 2005

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành
- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

XÁC NHẬN CỦA BGH

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Phó trưởng phụ trách bộ môn

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn Ký sinh trùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------***---------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 08

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ liên thông

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Học phần học trước

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ký sinh trùng

Giảng viên giảng dạy:

- BS. Nguyễn Đức Thành
- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ký sinh trùng cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp và ít gặp trên người Việt Nam để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chu kỳ, dịch tễ, cách phòng chống bệnh ký sinh trùng.
- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của một số loài ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do giun sán gây ra, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.
- Trình bày được các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	1		1
2.	- Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc	1		1
3.	- Giun kim - Giun móc/giun mỏ - Giun chỉ bạch huyết	2		1
4.	- Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò) - Giun sán hiếm gặp	3		1
5.	- Đại cương đơn bào - Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung	2,5		1
6.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học) - Ký sinh trùng sốt rét (Bệnh học - Dịch tễ học)	2		1
7.	- Ký sinh trùng sốt rét (Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	1		
8.	- Đại cương tiết túc ký sinh	1,5		1

	- Lớp nhện - Lớp côn trùng			
9.	- Nấm ký sinh - Tổng kết	1		1
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4	
12.	- Hình thể giun sán trưởng thành - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2	
13.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		2 2	
14.	Phương pháp xét nghiệm phân		4	
15.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết – xem tiêu bản mẫu)		4	
16.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
17.	- Hình thể tiết túc - Mổ muỗi		2 2	
18.	- Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp		2	
19.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).
- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.

- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần:
  + Kiểm tra thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
  + Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết : phòng học, máy chiếu, máy tính.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Ban giám hiệu	Trưởng bộ môn
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	
HIỆU TRƯỞNG	Đinh Thị Thanh Mai
GS.TS. Phạm Văn Thức	

(Du chước

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sĩ liên thông

Học phần tiên quyết: Sinh lý học

Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh

Học phần song hành: Vi sinh, Ký sinh trùng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng, Trần Thị Thu Hằng.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Học xong môn này học viên phải có những kiến thức cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch cơ bản để có khả năng:

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản, nguyên lý, quy luật chung nhất về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh tật nói chung và của một số quá trình bệnh lý điển hình, của các rối loạn cơ quan chức phận cơ thể khi bị bệnh.

2. Trình bày được các thành phần cấu tạo chính và cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch, nêu một số nguyên nhân thường gặp và cơ chế gây rối loạn chức năng miễn dịch.

3. Phân tích được một số thông số xét nghiệm thăm dò chức năng, thông qua các tình huống bệnh lý cụ thể để qua đó có thể giúp chẩn đoán bệnh, cắt nghĩa cho việc dùng thuốc điều trị các rối loạn đó.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản	1	2	2
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	1	2	2
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	1		2
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	2	4	4
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2	4
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2	4
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2	4
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2	4
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4	4
11	Đại cương về đáp ứng miễn dịch-Miễn dịch tự nhiên	1		2
12	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch	1		2
13	Hệ thống bổ thể	1		2
14	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	1		2
15	Miễn dịch dịch thể	1	2	2
16	Miễn dịch tế bào	1	2	2
17	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	1		2
18	Miễn dịch chống ung thư	1		2
19	Miễn dịch ghép	1		2
20	Miễn dịch bệnh lý	2	2	4
21	Trị liệu miễn dịch	2		4
Tổng		30	30	60

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

Tuần 1:	- *Đại cương môn học* - *Sinh lý bệnh phản ứng viêm*	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viêm tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- *Sinh lý bệnh chức năng gan* - *Hệ thống bổ thể*	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể sau khi đã được	

		bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Tế bào cơ quan miễn dịch	- Giảng viên phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác				- Sau khi được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác	
Tuần 2:	*- Sinh lý bệnh hệ tiết niệu* *- Rối loạn thăng bằng acid - base*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng	

		hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				viên đã hướng dẫn chi tiết - Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	

	- *Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa*	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thwoif tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
Tuần 3:	- *Sinh lý bệnh phản ứng sốt* - *Rối loạn chuyển hóa các chất*	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phàn ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã đượng giảng viên hướng dẫn	

		các rối loạn chuyển hóa còn lại				trọng điểm	
	- *Sinh lý bệnh cấu tạo máu* - *Sinh lý bệnh hệ hô hấp*	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thường gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		So sánh rối loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
Tuần 4:	- *Miễn dịch*	- Giảng viên phân tích cho				- Sinh viên tìm hiểu kiến	

	dịch thể *- Miễn dịch tế bào* *- Miễn dịch ung thư* *-Miễn dịch ghép*	sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch tế bào - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế miễn dịch trong ung thư và cơ chế miễn dịch trong ghép mô				thức trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn chi tiết	
	- Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn *- Điều hòa miễn dịch*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên cơ chế bệnh sinh của suy tim, tăng huyết áp và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể				- Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn trên cơ sở giảng viên đã minh họa các bệnh lý điển hình - Sinh viên hệ thống lại cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể mà giảng viên đã phân	

						tích trên lớp	
	- Miễn dịch bệnh lý	- Giảng viên phân tích cho sinh viên 4 typ quá mẫn của miễn dịch bệnh lý và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể cơ chế của quá mẫn	
	Trị liệu miễn dịch	- Giảng viên giới thiệu các biện pháp trị liệu miễn dịch và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu thêm về các cơ chế				- Sau khi giảng viên hướng dẫn chi tiết sinh viên tìm hiểu cụ thể hơn nội sung cơ chế liên quan	
Tuần 5:	*- Thực tập:Thực nghiệm về chức năng chống độc khử độc của gan và rối loạn chức phận tiêu hóa*	- Minh họa chức năng chống độc khử độc của gan - Minh họa rối loạn chức năng hệ tiêu hóa			Sinh viên quan sát các thí nghiệm và ghi lại kết quả dưới dự hướng dẫn của kỹ thuật viên: - Tiêm Adreanlin và nước lọc phân vào tĩnh mạch đùi và tĩnh mạch mạc	- Sinh viên đọc phần lý thuyết liên quan tới bài học - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm	

					treo chó - Tiêm nước muối nóng, AgNO3 vào ruột chó		
	- Thực tập: Phân tích huyết đồ	- Giảng viên nhắc lại các thông số của các dòng tế bào máu - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích huyết đồ (3 bước cụ thể)			Sinh viên phân tích 1 huyết đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh cấu tạo máu - Sinh viên tự phân tích các huyết đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
Tuần 6:	*- Thực tập: Thực nghiệm sốc chấn thương*	- Minh họa khái niệm về sốc do tác nhân cụ thể là tác nhân cơ học - Làm rõ các khái niệm đã học ở học phần lý thuyết			- Sinh viên kiến tập thực nghiệm sốc chấn thương và các thí nghiệm nhằm tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của sốc chấn thương trên súc vật	Đọc trước các khái niệm Bệnh, bệnh nguyên, vòng xoắn bệnh lý và quy trình thực hiện các thí nghiệm trước khi tới lớp	
	- Thực tập: Thực nghiệm rối loạn chuyển hóa muối nước viêm	Minh họa lý thuyết: - Rối loạn chuyển hóa muối nước - Cơ chế bệnh sinh của phản ứng viêm ở			- Sinh viên thực hành thí nghiệm gây thay đổi áp lực thẩm thấu ở ếch - Sinh viên kiến tập các thực nghiệm	- Sinh viên đọc trước bài lý thuyết ở nhà - Sinh viên đọc trước các thực nghiệm cần thực hiện ở nhà	

		phase cấp			còn lại dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: áp nóng gây viêm, garo đùi ếch, thay đổi áp lực keo		
Tuần 7	- *Thực tập: Thực nghiệm minh họa một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp*	- Minh họa ảnh hưởng của một số yếu tố đến các giai đoạn của hô hấp - Trên cơ sở sinh viên đac quan sát thí nghiệm, giảng viên sẽ cùng sinh viên phân tích cơ chế của sự thay đổi hô hấp ở các thí nghiệm			Sinh viên kiến tập các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thỏ ngửi NH3 đậm đặc, tiêm acid – kiềm vào tĩnh mạch rìa tai thỏ - Kẹp khí quản thỏ - Tiêm AgNO3 vào tĩnh mạch đùi chó	- Sinh viên đọc lại các giai đoạn của hô hấp - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần làm	
	- *Thực tập: Phân tích niệu đồ*	- Giảng viên nhắc lại sự thay đổi của số lượng nước tiểu, chất lượng nước tiểu và các chỉ số			Sinh viên phân tích 1 niệu đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Sinh viên tự phân tích các	

		sinh hóa liên quan - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích niệu đồ (3 bước cụ thể)				niệu đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
Tuần 8	- *Thực tập: Thực nghiệm sốc truyền máu khác loài*	- Minh họa bệnh cảnh sốc - Giảng viên phân tích cơ chế quá mẫn typ 2 trong thực nghiệm này			- Sinh viên quan sát các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thực nghiệm tiêm truyền máu gà cho chó - Phản ứng chéo, phản ứng xác định vai trò của bổ thể	- Sinh viên đọc lại bài miễn dịch bệnh lý - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần tiến hành	
	- *Thực tập:Một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán*	- Giảng viên giới thiệu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích một số kí thuậ miễn dịch hiện nay còn sử dụng			- Sinh viên kiến tập kĩ thuật ngưng kết thụ động - Sinh viên thực hành đổ lam thạch tiêu chuẩn và đục giếng thạch	Sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào sau khi giảng viên hướng dẫn cụ thể trên lớp	

		trong chẩn đoán - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào					

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao dổi, thảo luận
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận, ... tự học trên mô hình, video.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết hoặc vấn đáp

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

8.2. Thi lý thuyết:

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- ***Đánh giá quá trình: :*** sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- ***Đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Phạm Thị Thuyết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60 tiết	Lý thuyết: 30 tiết	Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sĩ liên thông đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy:Ngô Thị Quỳnh Mai, Phạm Thị Anh, Lưu Thị Thu Huyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Thực vật học là học phần bắt buộc cho sinh viên dược năm thứ 2. Kết thúc học phần này, sinh viên có tri thức tổng quan về sinh giới nói chung và hệ thống phân loại thực vật nói riêng và nhận biết được khoảng 130 họ có nhiều cây được sử dụng làm thuốc, trong đó có khoảng 50 họ có nhiều loài được sử dụng phổ biến trong ngành Dược ở Việt Nam.

Học phần thực hành giúp cho sinh viên xác định đúng tên khoa học, có ý nghĩa sống còn trong khởi đầu nghiên cứu và phát triển thuốc từ cây cỏ.

Môn học thực vật học, cung cấp những nền tảng cơ bản cho sinh viên học các môn chuyên ngành như Dược liệu, Dược liệu biển, Dược học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được cấu trúc, chức năng và vẽ được các loại mô thực vật.
- Trình bày được và vẽ được các đặc điểm hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.
- Nêu được các bậc phân loại chính của thực vật và viết đúng tên khoa học của cây.
- Nêu được đặc điểm của từng họ thực vật hạt kín và vị trí phân loại của chúng.
- Sử dụng được khóa phân loại thực vật để xác định họ thực vật.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tự học
LÝ THUYẾT				
	Phần 1: Hình thái học thực vật	15		30
1	Chương 1: Tế bào thực vật	2		5
2	Chương 2: Mô thực vật	3		5
3	Chương 3: Cơ quan sinh dưỡng của thực vật - Rễ cây - Thân cây - Lá cây - Ứng dụng cơ quan sinh dưỡng của thực vật trong ngành dược.	5		10
4	Chương 4: Cơ quan sinh sản của thực vật. - Hoa - Quả - Hạt	5		10
	Phần 2: Phân loại học thực vật	15		45

5	***Đại cương về phân loại học thực vật***	3		5
6	***Giới thực vật***			
	Ngành Dương xỉ trần, Rêu, Lá thông, Thông đất, Cỏ Tháp bút, Dương xỉ, Thông (ngành Hạt trần)	5		10
	Ngành Ngọc lan (ngành Hạt kín): ***Lớp Ngọc lan*** (nhấn mạnh các họ: Ngọc Lan, Na, Long não, Tiết dê, Hoàng liên, Rau giền, Rau răm, Sổ, Bí, Bông, Dâu tằm, Thầu dầu, Hoa hồng, Sim, Đậu, Cam, Nhân sâm, Hoa tán, cà phê, Trúc đào, Hoa môi, Cúc.	5		20
	Lớp Hành: nhấn mạnh các họ: Trạch tả, Loa kèn, Hành, Củ nâu, Lan, Gừng, Lúa, Cau, Ráy.	2		10
THỰC HÀNH				
1	Phương pháp làm và vẽ tiêu bản vi phẫu các cơ quan dinh dưỡng. Phương pháp vẽ tiêu bản vi phẫu		5	
2	Tế bào và Mô thực vật		5	
3.	Rễ cây		4	
4.	Thân cây Nhận thức các loại hình thái thân		4	
5.	Lá cây Nhận thức các loại hình thái Lá		4	
6.	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao (Hoa) Nhận thức các loại hình thái Hoa		4	
7.	Phân tích và vẽ đặc điểm hình thái cơ		4	

	quan sinh sản của thực vật bậc cao (quả, hạt) Nhận thức các loại hình thái quả, hạt			
	TỔNG	30	30	75

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm , kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ y tế (2007), *Thực vật học (sách đào tạo Dược sỹ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011), *Thực vật Dược (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB Giáo Dục Việt Nam
- Trường Đại học Dược Hà Nội, *Thực tập Thực vật và nhận biết cây thuốc*, in tại Trung tâm thông tin- Thư viện ĐHDHN, Hà Nội
- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho làm tiêu bản thực vật: Kính hiển vi, giấy thấm, khung nẹp,...
- Tủ sấy
- Hóa chất dùng cho tẩy nhuộm tiêu bản: Javen, xanh methylen, đỏ carmin.....
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1 Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: Hỏi sinh viên đáp ứng đã hiểu rõ các học phần tiên quyết
- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2 Đánh giá quá trình:

- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3 Đánh giá sau quá trình:

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Làm thực nghiệm, vấn đáp

Điểm học phần = [(điểm học phần lý thuyết) * 2 + điểm học phần thực hành] / 3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Nguyễn Văn Hưng	Ngô Thị Quỳnh Mai
GS.TS. Phạm Văn Chức		

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN VI SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV DƯỢC TẠI CHỨC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 52	Thực hành: 16

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên dược tại chức

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Mô học

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Vi sinh Y học

- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- BS. Trịnh Thị Hằng
- CN. Nguyễn Quang Huy
- CN. Vũ Thị Nữ
- CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh
- CN. Nguyễn Thị Thanh Phượng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh nhiễm khuẩn (vi khuẩn và virus). Các kiến thức này là cơ sở để sinh viên tiếp cận kiến thức y học lâm sàng.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học cơ sở, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên dược sau khi đã hoàn thành khối kiến thức cơ bản.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, vacxin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể.

- Các đặc điểm cơ bản nhất (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh quan trọng.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành y học cơ sở nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và dạy đồng thời với một số môn y học cơ sở khác.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh (vi khuẩn và virus).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, vacxin và huyết thanh, bệnh nhiễm trùng, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể chống vi sinh vật.

- Các đặc điểm cơ bản (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị bệnh) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm.

Về kỹ năng

- Chỉ định và phân tích được một số xét nghiệm vi sinh chẩn đoán bệnh nhiễm trùng thường gặp.

- Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn (Nhộm đơn, Gram, Ziehl-Neelsen) và nhận biết được hình thể của vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm.

- Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích được kết quả.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Tín chỉ 1: Vi sinh đại cương		**15**	**20**
Bài 1	Đại cương về VSV và VSV y học. Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Di truyền học vi khuẩn.	4	4
Bài 2	Đại cương virus. Sự đề kháng của cơ thể chống VSV Kháng sinh và kháng kháng sinh	4	6
Bài 3	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Nhiễm trùng bệnh viện. Vaccin và huyết thanh.	4	6
Bài 4	*Ricketsia, Chlamydia, Mycoplasma* Phương pháp chẩn đoán VSV Khử trùng- Tiệt trùng.	3	4
Tín chỉ 2: Các chuyên đề vi khuẩn và virus		**15**	**32**
Bài 1	Các cầu khuẩn gây bệnh (tụ cầu vàng, liên cầu A, phế cầu, lậu cầu, não mô cầu)	2	6
Bài 2	Họ vi khuẩn đường ruột (thương hàn, lỵ, *E.coli*) Vi khuẩn tả	2	6
Bài 3	*Mycobacterium* (lao). *Clostridium* (uốn ván, hoại thư sinh hơi, ngộ độc thịt) Xoắn khuẩn giang mai	2	4

Bài 4	Trực khuẩn dịch hạch, bạch hầu, mủ xanh, *Hemophilus influenzae*. Trực khuẩn ho gà.	2	4
Bài 5	Các virus gây viêm gan (HBV, HCV, HAV) Virus gây hội chứng SGMD ở người.	2	4
Bài 6	*Myxovirus* (cúm, sởi). *Arbovirus* (Dengue, VNNB B)	2	4
Bài 7	*Enterovirus*. *Rotavirus*. *Adenovirus*.	1	2
Bài 8	Virus *Herpes* và thủy đậu. Virus dại, HPV	2	2
Tổng		30	52

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Quan sát hình thể vi khuẩn	4	2
Bài 2	Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn- Các phương pháp nhuộm soi vi khuẩn	4	2
Bài 3	Cách lấy bệnh phẩm- Cấy phân lập vi khuẩn	4	2
Bài 4	Cấy định danh vi khuẩn	4	2
Bài 5	Kháng sinh đồ	4	2
Bài 6	Ứng dụng một số phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh	4	4
Bài 7	Tham quan phòng xét nghiệm vi sinh và quan sát một số xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh tại lab bệnh viện	4	2
Bài 8	Thi thực hành	2	
Tổng		30	16

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học…

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, …

- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,…

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,… tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;

- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

  Link:
  http://microbiology.sbmu.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Đánh giá ban đầu:**

- Hỏi thăm

*** Đánh giá quá trình:**

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

*** Đánh giá kết thúc học phần:**

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ấm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ấm CO2, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 4 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	TS. Nguyễn Hùng Cường
GS.TS. Phạm Văn Thức	

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Khoa Dược học
Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 90 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ chính quy liên thông

Học phần tiên quyết: Hóa lý, Hóa dược, dược lý

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bào chế sinh dược học. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dạng thuốc, thành phần dạng thuốc, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: dung dịch thuốc, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cồn thuốc, cao thuốc, hỗn dịch thuốc, nhũ tương thuốc,thuốc phun mù, thuốc bột, cốm, viên nén, thuốc mỡ, thuốc đặt. Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm về thành phần của một công

thức cụ thể, vai trò của từng dược chất, tá dược trong công thức, bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc.

- Kỹ năng: vận dụng được kiến thức cơ bản nêu trên vào thực hành bào chế và hướng dẫn sử dụng thuốc, ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- Thái độ: tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	TH	Tự học
1	Đại cương về bào chế và sinh dược học	1	0	2
2	Dung dịch thuốc	4	10	8
3	Thuốc tiêm	4	0	8
4	Thuốc nhỏ mắt	4	5	8
5	Các dạng thuốc bào chế bằng phương pháp chiết xuất	3	0	6
6	Nhũ tương thuốc	2	5	4
7	Hỗn dịch thuốc	2	5	4
8	Thuốc phun mù	3	0	6
9	Thuốc mỡ và hệ trị liệu qua da	5	5	10
10	Các dạng thuốc đặt	3	0	6
11	Thuốc bột	2	0	4

12	Thuốc cốm	2	0	4
13	Thuốc viên	4	0	8
14	Thuốc nang	4	0	8
15	Tương kị và tương tác trong bào chế	2	0	4
Cộng		45	30	90

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích vai trò của tá dược, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc : Tập 1,2: Sách đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần thứ 2, Nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Thực tập bào chế 1&2, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.
3. Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế - Lần xuất bản thứ tư – Nhà xuất bản Y học, 2009.
4. M.E. Aulton, *Pharmaceutics the science of dosage form design*, 2nd edition, 2002.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bào chế và sinh dược học : T1,2: Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Lê Quang Nghiệm. - Tái bản lần thứ nhất, Nhà xuất bản giáo dục, 2007.
2. Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc : Sách dùng đào tạo dược sĩ đại học / Võ Xuân Minh. - Tái bản lần 1, Nhà xuất bản Y học, 2013. - 2 tập. T.1,2.
3. Thực tập bào chế, Bộ môn Bào chế, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2013.

4. Leon Lachman, Herbert A.Libermann, Joseph L.Kaning, *The theory and practice of industrial pharmacy*, Third edition, 1986.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc: chày cối sứ, bộ rây, bộ lọc dung dịch, cân kỹ thuật điện tử, đèn cồn, máy đóng thuốc tiêm, máy đo pH, máy siêu âm, máy dập viên, máy đóng viên nang, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bở, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, thiết bị đun cách thủy.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận
- **Trọng số các điểm:**

Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

Điểm trung bình học phần = (Điểm kiểm tra thực hành * 1 + Điểm thi kết thúc học phần *2)/3

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
DUYỆT		
	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN HÓA DƯỢC – KIỂM NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỘC CHẤT HỌC
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY(Tín chỉ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.LT.ĐCH

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian(tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa phân tích, hóa hữu cơ, hóa vô cơ

Học phần học trước: Hóa lý dược

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Cao Đức Tuấn.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, cấu tạo của một số chất độc và tác động của chúng lên cơ thể con người, nguyên tắc các phương pháp phân tích kiểm nghiệm có liên quan. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để kiểm soát, ngăn chặn được một số độc chất.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- **Kiến thức:**

  + Trình bày được những kiến thức cơ bản về độc chất học và độc chất môi trường

  + Trình bày được nguồn gốc, độc tính tác động trên cơ thể người của một số chất độc: Vô cơ, Hóa chất BVTV, chất độc có nguồn gốc tự nhiên, một số chất ma túy,

  + Kiểm soát và ngăn chặn được một số chất độc

- **Kỹ năng:**

+ Phân tích, kiểm nghiệm được một số chất độc

- **Thái độ:**

+ Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Đại cương về độc chất học	6	18
2.	Các chất độc vô cơ	6	18
3.	Các chất độc hữu cơ tổng hợp, các chất BVTV	8	24
4.	Các chất độc có nguồn gốc tự nhiên	4	12
5.	Các chất ma túy và vấn đề lạm dụng thuốc	4	12
6.	Ngăn chặn và kiểm soát ngộ độc	2	6
	Cộng	30	90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Độc chất học, Thái Nguyễn Hùng Thu, nhà xuất bản Y học, năm 2015

- Độc chất học : Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Trần Thanh Nhãn. - H. : Giáo dục, 2011. - 143 tr. ; 27 cm

- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng kiểm nghiệm độc chất / Trường Đại học dược - Bộ môn phân tích và độc dược. - H. : Y học, 1984. - 253 tr. ; 24 cm.

- A text book of Modern Toxicology, Enerst Hodgson and Patricia E. Levi, 2nd edition, the USA (ebook).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = Điểm thi lý thuyết

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hùng	Bùi Hải Nùng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4	Lý thuyết: 3	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 75tiết	Lý thuyết: 45 tiết	Thực hành: 30 tiết
Số giờ tự học: 75 tiết		
Đối tượng sinh viên	Dược sĩ liên thông đại học hệ chính quy	
Học phần tiên quyết:	Dược liệu	
Học phần học trước:	Thực vật, dược liệu	
Học phần song hành:	Dược học cổ truyền 2	
Bộ môn phụ trách giảng dậy:	Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.	

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Ngô Thị Quỳnh Mai, Phạm Thị Anh, Lưu Thị Thu Huyền.

Giảng viên kiêm chức: Khoa Y học cổ truyền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên nhưng kiến thức cơ bản về lý luận y học cổ truyền, phân tích xây dựng một số phương thuốc y học cổ truyền, cách chế biến một số vị thuốc, loại thuốc y học cổ truyền.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lí luận y học cổ truyền
- Phân tích và xây dựng được một số phương thuốc y học cổ truyền
- Chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Số tiết tự học
	LÝ THUYẾT			
1	Đại cương y học cổ truyền - Học thuyết âm dương - Học thuyết ngũ hành - Học thuyết tạng tượng - Học thuyết kinh lạc - Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền - Bát cương, bát pháp - Phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền	10		10
2	Thuốc cổ truyền + Thuốc giải biểu + Thuốc khử hàn + Thuốc thanh nhiệt + Thuốc hoá đàm chỉ ho bình suyễn + Thuốc tắt phong, an thần khai khiếu + Thuốc phần khí + Thuốc phần huyết + Thuốc trừ thấp + Thuốc bổ dưỡng + Thuốc tiêu đạo + Thuốc tả hạ + Thuốc trục thuỷ + Thuốc cố sáp + Thuốc trừ giun sán + Thuốc dùng ngoài	8		20

3	Đại cương về phương pháp châm cứu và bấm huyệt	6		
4	Các cơ sở khoa học cho việc sử dụng thuốc y học cổ truyền: Chẩn trị theo y học phương đông Tác dụng dược lý liên quan đến công dụng cảu vị thuốc, phương thuốc (một số nghiên cứu liên quan: mô hình dược lý đánh giá tác dụng của thuốc, nghiên cứu có liên quan đến một số vị thuốc điển hình.	6		
5	Chế biến thuốc cổ truyền + Mục đích + Các phương pháp chế biến + Phụ liệu dùng trong chế biến thuốc cổ truyền	8		10
6	Bào chế thuốc cổ truyền + Cao + Hoàn + Tán + Thuốc thang	7		20
	THỰC HÀNH			
1	Nhận biết và hướng dẫn sử dụng thuốc YHCT:		3	
2	Thuốc giải biểu, thuốc khử hàn.		3	
3	Thuốc hóa đàm chỉ ho, bình xuyễn; thuốc tắt phong, an thần, khai khiếu.		3	
4	Thuốc phần khí; thuốc phần huyết.		3	
5	Thuốc trừ thấp; thuốc bổ dưỡng.		3	
6	Thuốc tiêu đạo; thuốc tả hạ, thuốc trục		3	

	thủy, cổ sáp; thuốc trừ giun sán.			
7	Chế biến thuốc cổ truyền:		6	
	- Thảo quyết minh - Hà thủ ô			
	- Hương phụ - Thục địa			
	- Trần bì - Táo nhân			
8	Đi thực tế		6	15
TỔNG		45	30	75

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, đi thực tập tại cơ sở, viết báo cáo thực tập.

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ y tế (2006), *Dược học cổ truyền (sách dùng cho đào tạo dược sỹ đại học)*, NXB Y học, Hà Nội.

6.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược cổ truyền - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền*, Chế bản và in tại trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Dược Hà Nội.

- Bộ môn Dược học cổ truyền- Trường Đại học Dược Hà Nội (2002), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học
- Dược điển Việt Nam IV, NXB Y học, 20.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho chế biến thuốc cổ truyền: dao cầu, dao thái, nồi đun, ...
- Dụng cụ dùng cho phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy
- Tủ sấy dược liệu
- Vị thuốc cổ truyền dùng cho sinh viên nhận thức
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1 Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: Hỏi sinh viên đáp ứng đã hiểu rõ các học phần tiên quyết
- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2 Đánh giá quá trình:

- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3 Đánh giá sau quá trình:

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Làm thực nghiệm, vấn đáp

Điểm học phần = [điểm học phần lý thuyết x 2 + điểm học phần thực hành] / 3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Nguyễn Văn Hưng	Ngô Thị Quỳnh Mai
GS.TS. Phạm Văn Chức		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

Số tiết tự học: 90

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa sinh lâm sàng, Dược lý, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
5	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
6	ThS. BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Giảng viên kiêm nhiệm
7	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên kiêm nhiệm
8	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên kiêm nhiệm
9	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	ThS.BS. Bùi Bích Ngọc	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến các hoạt động của dược sĩ lâm sàng. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để đánh giá được việc kê đơn hợp lý theo cá thể và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức: yêu cầu sinh viên nắm được:

- Các nguyên lý cơ bản trong sử dụng thuốc.
- Các nguyên tắc cơ bản trong sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin.

Về kỹ năng: yêu cầu sinh viên sau khi học hình thành được kỹ năng cơ bản liên quan đến hoạt động của dược sĩ lâm sàng bao gồm: thông tin thuốc, phát hiện và đánh giá tương tác, tương kỵ của thuốc, hiệu chỉnh liều, đánh giá việc sử dụng thuốc của bệnh nhân

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

TT	TÊN BÀI HỌC	SỐ TIẾT GIẢNG	
		LT	Tự học
1	Các thông số dược động học cơ bản Hiệu chỉnh liều khi suy thận	6	12
2	Sử dụng thuốc ở những đối tượng có sinh lí đặc biệt	5	10
3	Dị ứng thuốc	2	4
4	Dạng thuốc và cách dùng	3	6
5	Tương tác thuốc	3	6
6	Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả	3	6
7	Nguyên tắc sử dụng kháng sinh	2	4

8	Nguyên tắc sử dụng Corticoid	2	4
9	Nguyên tắc sử dụng thuốc Giảm đau	2	4
10	Nguyên tắc sử dụng Vitamin	2	4
Tổng		30	60

4.2. Thực tập

TT	TÊN BÀI HỌC	SỐ TIẾT GIẢNG	
		TH	Tự học
1	Các thông số dược động học cơ bản Hiệu chỉnh liều khi suy thận	12	6
2	Sử dụng thuốc ở những đối tượng có sinh lí đặc biệt	10	5
3	Dị ứng thuốc	4	2
4	Dạng thuốc và cách dùng	6	3
5	Tương tác thuốc	6	3
6	Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả	6	3
7	Nguyên tắc sử dụng kháng sinh	4	2
8	Nguyên tắc sử dụng Corticoid	4	2
9	Nguyên tắc sử dụng thuốc Giảm đau	4	2
10	Nguyên tắc sử dụng Vitamin	4	2
Tổng		60	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Phân tích case lâm sàng

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên phân tích case lâm sàng, trao đổi và biện giải kết quả.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2006), Dược lâm sàng (sách dùng đào tạo Dược sỹ đại học), NXB Y học
- Sách thực tập Dược lâm sàng do Trường Đại học Dược Hà Nội biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tiến Dũng (2000), Dược lâm sàng đại cương, NXB Y học.
- Hoàng Thị Minh Châu (2001), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Lê Ngọc Trọng (2014), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2006), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, NXB Y học.
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên
- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Kiểm tra thực hành: phân tích case lâm sàng, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần:

Điểm lý thuyết = điểm thi lý thuyết

Điểm thực hành = điểm kiểm tra thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC	PT BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 tiết Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 75 tiết

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sĩ liên thông đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết: Thực vật dược

Học phần học trước: Thực vật dược

Học phần song hành: Dược liệu, Dược liệu biển

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy: Đinh Thị Quyên, Nguyễn Thị Dung, Đào Thị Bích Ngọc, Lưu Thị Thu Huyền, Bùi Thị Hồng Vân

Giảng viên kiêm chức: Ts.Đàm Đức Tiến, Ts.Bạch Thị Như Quỳnh, Bs. Trần Danh Tiến Thịnh

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần mô tả nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của các vị dược liệu. Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu và 8 động vật làm thuốc. Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc. Phương pháp kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Nhận biết trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng và công dụng của 200 vị dược liệu.

- Trình bày được khái niệm chung (hoặc định nghĩa), cấu trúc hoá học, phương pháp định tính, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu: Alkaloid, tinh dầu và chất nhựa, lipid và 8 động vật làm thuốc; Chiết xuất được một số chất chính thường dùng làm thuốc.
- Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hoá học đã được học ở trên theo tiêu chuẩn DĐVN.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	số tiết tự học
1	Đại cương về dược liệu	1		5
2	Dược liệu chứa cacbohydrat: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin	4	4	5
3	Dược liệu chứa glycosid	3		35
3.1	Dược liệu chứa glycosid trợ tim	3	4	
3.2	Dược liệu chứa saponin	4	4	
3.3	Dược liệu chứa anthraglycosid	5		
3.4	Dược liệu chứa flavonoid	5	4	
3.5	Dược liệu chứa coumarin	3	3	
3.6	Dược liệu chứa tannin	2	3	
3.7	Dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid	1		
4	Dược liệu chứa tinh dầu	4	4	10
5	Dược liệu chứa chất nhựa	1		5
6	Dược liệu chứa chất béo	1		5
7	Dược liệu chứa alkaloid	6	4	15
8	Động vật làm thuốc	2		10
	TỔNG	45	30	90

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Dược liệu, Đại học Dược Hà Nội (1999), *Bài giảng Dược liệu tập 1, tập 2.*

6.2 Tài liệu tham khảo

- Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Dược điển Việt Nam IV, NXB Y học, 20.
- Vườn quốc gia Cát Bà (2015), *Các loài động - thực vật quý hiếm tại khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
- Phạm Văn Điển (2014), *Tài nguyên đa dạng sinh học vườn quốc gia Cát Bà*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Bàn thực tập chịu được ăn mòn
- Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn
- Hệ thống xử lý khí thải
- Hệ thống đường nước
- Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kĩ thuật, bể điều nhiệt, bộ chưng cất tinh dầu, máy cất quay chân không,...
- Trang thiết bị dùng cho làm tiêu bản, chuẩn bị bột
- Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

- Dược liệu dùng cho sinh viên nhận thức

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1 Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: Hỏi sinh viên đáp ứng đã hiểu rõ các học phần tiên quyết
- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2 Đánh giá quá trình:

- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3 Đánh giá sau quá trình:

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Làm thực nghiệm, vấn đáp

Điểm học phần = [(điểm học phần lý thuyết)*2 + (điểm học phần thực hành)] / 3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Nguyễn Văn Hưng	Ngô Thị Quỳnh Mai
GS.TS. Phạm Văn Chức		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số TC: 4 Lý thuyết : 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Tự học: 45

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh hóa, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý, khoa dược

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
3	Ths. DS Nguyễn Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	BS Nguyễn Minh Thảo	Bộ môn Dược lý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dược lý: Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn của thuốc...Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, phân tích thuốc và toa thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để áp dụng trong quá trình tư vấn, phối hợp với bác sĩ trong quá trình sử dụng thuốc, theo dõi điều trị...Từ đó góp phần nâng cao sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

- Trình bày được động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng của các nhóm thuốc và một số thuốc đại diện mỗi nhóm.
- Làm được một số thực nghiệm để đánh giá tác dụng của thuốc giảm đau, ảnh hưởng trên cơ tim, cơ trơn, huyết áp, kích thích và ức chế trên TKTƯ

3.2. Kỹ năng:

- Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tác dụng của thuốc.
- Biết tra cứu về những tác dụng dược lý, tác không mong muốn của một số thuốc thông thường.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người dược sĩ

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	Dược lý đại cương	04	03
2	Thuốc tác dụng trên TKTV	04	03
3	Dược lý tâm thần	04	04
4	- Thuốc an thần và thuốc ngủ -Thuốc chữa động kinh và parkinson	04	04
5	- Thuốc tê -Thuốc giảm đau loại morphin - Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm phi steroid	05	04
6	-Thuốc kháng sinh -Thuốc chống lao -Thuốc sát khuẩn	04	04
7	-Thuốc kháng Histamin H1, H2 -Thuốc điều chỉnh rối loạn tiêu hoá, rối loạn hô hấp	04	04
8	-Thuốc tác dụng trên tim mạch: điều trị THA, suy tim, thuốc lợi tiểu…	04	04
9	-Thuốc điều trị một số rối loạn chuyển hóa: gout, đái tháo đường.. -Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu	04	04
10	- Vitamin - Thuốc chữa ung thư	04	04
11	- Một số thuốc có nguồn gốc hormon: corticoid… - Thuốc tẩy giun sán, amip	02	03
	-Thuốc chữa thiếu máu -Nguyên tắc điều trị ngộ độc thuốc cấp tính	02	04
	Tổng số	45	45

4.2.2.Thực hành

STT	TÊN BÀI	*SỐ TIẾT*
1	-Phổ biến nội dung các bài thực tập và quy chế học tập	05

	-Quy chế kê đơn. Sử dụng thuốc an toàn hợp lý. -Thực nghiệm: Định khu tác dụng của Strychnin Tác dụng của rượu trên thân nhiệt	
2	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Acetylcholin, Atropin, Adrenalin trên huyết áp chó -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05
3	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột Tác dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ - Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05
4	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng đối lập của Ether và Strychnin Tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05
5	-Phân tích toa thuốc -Thực nghiệm: Tác dụng của Digital trên tim ếch tại chỗ Tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương -Phân tích đơn thuốc của bác sĩ	05
6	- Ôn tập	05
	Tổng	30

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thực nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiệm, giải thích hiện tượng và rút ra kết luận, ứng dụng lâm sàng
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Bài giảng thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, 2012
- Bộ Y tế (2012), *Dược lý học tập1, 2*, NXB Y học.
- Bertram G. Katzung and el (2009), *Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn*, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el *Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics*, 11th edition the McGraw - Hill Companies.
- Martindale: the complete drug, 36th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoin.
- phấn, bút dạ.

thuốc, hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn …

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Học phần lý thuyết: tham dự ≥ 90% số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần:= (LTx2 + TH)/3

- nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiến	PGS.TS Nguyễn Văn Hùng	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN HÓA DƯỢC – KIỂM NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY(Tín chỉ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.LT.HD

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 135 tiết

Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa hữu cơ

Học phần học trước: Hóa phân tích, Hóa lý dược

Học phần song hành: Dược lý

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Cao Đức Tuấn, Trần Thị Lương, Phạm Phương Dung

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Hóa dược cung cấp cho sinh viên kiến thức về công thức cấu tạo, lý tính, hóa tính, quy trình điều chế, của các nhóm hoạt chất và các hoạt chất đại diện. Từ đó sinh viên có kiến thức cơ sở để giải thích liên quan cấu trúc-tác dụng và ứng dụng trong kiểm nghiệm của các thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

  + Trình bày được công thức cấu tạo, cơ chế tác dụng, các tính chất lý hoá của các nhóm thuốc và các hoạt chất đại diện, ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản.

+ Trình bày được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có), những chỉ định, điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng từng nhóm thuốc và các thuốc cụ thể.

+ Vận dụng được các kiến thức đã học (vô cơ, vật lý, hoá hữu cơ, hoá phân tích, hoá lý) để định tính, thử tinh khiết và định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc.

+ Thông qua thực tập, trình bày được các tính chất vật lý, hoá học của hoạt chất dùng làm thuốc.

- Kỹ năng:

+ Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình thực hành kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc.

- Thái độ:

+ Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.

+ Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể

+ Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Thuốc gây mê và thuốc gây tê	1		3
2	Thuốc gây ngủ và an thần	1		3
3	Thuốc điều trị rối loạn tâm thần	1		3
4	Thuốc chống động kinh	1		3
5	Thuốc điều trị bệnh Parkinson	1		3
6	Thuốc giảm đau và thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm	4		12

7	Thuốc gây nôn và thuốc chống nôn	1		3
8	Thuốc điều trị ho và thuốc long đờm	1		3
9	Thuốc kích thích thần kinh trung ương	2		6
10	Thuốc tác dụng lên thần kinh giao cảm và phó giao cảm	2		6
11	Thuốc tim mạch	4		12
12	Thuốc lợi tiểu	1		3
13	Vitamin và một số chất dinh dưỡng	1		3
14	Histamin và các thuốc kháng histamin H1	2		6
15	Thuốc ảnh hưởng đến chức năng dạ dày – ruột	3		9
16	Hormon và các chất tương tự	3		9
17	Thuốc sát trùng, tẩy uế	1		3
18	Sulfamid kháng khuẩn	1		3
19	Kháng sinh	8		24
20	Thuốc điều trị lao và phong	1		3
21	Các thuốc điều trị nấm	1		3
22	Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng	1		3
23	Các thuốc chống virus	1		3
24	Các thuốc điều trị ung thư	1		3
25	Thuốc cản quan	1		3
26	Thử giới hạn tạp chất trong thuốc. Kiểm nghiệm bột dược dụng NaCl		5	
27	Kiểm nghiệm bột dược dụng Cafein		5	
28	Kiểm nghiệm bột dược dụng Paracetamol		5	

29	Kiểm nghiệm bột dược dụng Aspirin		5	
30	Kiểm nghiệm bột dược dụng Cloramphenicol		5	
31	Kiểm nghiệm bột dược dụng Ampicillin		5	
	Cộng	45	30	135

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học / Trần Đức Hậu. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2014. - 2 tập. Tập 1: 296tr.

- Hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học / Trần Đức Hậu. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2014. - 2 tập. Tập 2: 271tr

- Thực hành Hóa Dược, Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)

- Sổ thực hành Hóa Dược, Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)

- Dược điển Việt Nam = Pharmacopoeia Vietnamica / Bộ Y tế. - Lần xuất bản thứ tư. - H. : Y học, 2009. - 962 tr. ; 29 cm

6.2. Tài liệu tham khảo

- Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học : Sách đào tạo dược sĩ sau đại học / Nguyễn Hải Nam. - H. : Y học, 2011. - 219 tr. ; 27 cm

- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 223tr. ; 27cm. Tập 1 : Các quá trình hóa học cơ bản của kỹ thuật hóa dược và phương pháp sản xuất một số hóa dược vô cơ. - 223tr.

- Kỹ thuật hóa dược : Sách đào tạo dược sĩ đại học. - H. : Y học, 2014. - 27cm. Tập 2 : Kỹ thuật sản xuất các hóa dược hữu cơ. - 327tr.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

+ Bàn thực tập chịu được ăn mòn

+ Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn

+ Hệ thống xử lý khí thải

+ Hệ thống đường nước

+ Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kĩ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cất quay chân không, máy HPLC,...

+ Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- **Đánh giá kết thúc học phần**

+ Kiểm tra thực tập: làm thực nghiệm, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi thực hành + Điểm thi lý thuyết*2) / 3

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hưng	Bùi Thái Nhã

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN HÓA DƯỢC – KIỂM NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM NGHIỆM
ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN DƯỢC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY (Tín chỉ)

1- THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: KDU.DKN.LT.KNG
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian(tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 45 tiết
Đối tượng sinh viên: Sinh viên dược liên thông chính quy
Học phần tiên quyết: Hóa phân tích, Hóa Dược,
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Bào chế
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Hóa dược-Kiểm nghiệm, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Cán bộ tham gia giảng dạy: Bùi Hải Ninh, Cao Đức Tuấn, Trần Thị Lương, Phạm Phương Dung.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kiểm nghiệm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở về hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí của kiểm nghiệm; giúp sinh viên nắm được nguyên lý của một số phương pháp phân tích thường dùng. Từ đó sinh viên có kỹ năng cơ bản trong thực hành kiểm nghiệm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- **Kiến thức:**

  + Trình bày được hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí công tác kiểm nghiệm.

  + Vận dụng nguyên lý cơ bản của các phương pháp Hóa học, Hóa lý, Vi sinh trong quá trình kiểm nghiệm.

- **Kỹ năng:**

+ Sử dụng và tra cứu được Dược điển Việt Nam IV.

+ Thao tác đúng, chính xác các bước trong quy trình kiểm nghiệm.

+ Thực hành kiểm nghiệm được các dạng bào chế chính.

- Thái độ:

+ Rèn được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, có tính kỷ luật cao.

+ Rèn tính trung thực, đoàn kết trong tập thể

+ Rèn tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ thông qua quá trình thực nghiệm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương	3		9
2.	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	3		9
3.	Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	3		9
4.	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học	2		6
5.	Kiểm nghiệm các dạng bào chế	2		6
6.	Ổn định và tuổi thọ của thuốc	2		6
7.	Hướng dẫn cách tra cứu dược điển và pha các dung dịch thuốc thử, chỉ thị, dung dịch chuẩn độ		5	
8.	Thuốc tiêm: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin B6		5	
9.	Viên nén: Kiểm nghiệm Viên nén Paracetamol 500mg		5	
10.	Thuốc bột: Kiểm nghiệm thuốc bột Oresol		5	
11.	Thuốc nhỏ mắt: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0,4%		5	
12.	Viên nén: Kiểm nghiệm viên nén vitamin C		5	
	Cộng	15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích hiện tượng, nguyên tắc tiến hành.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Kiểm nghiệm dược phẩm : Sách dùng đào tạo dược sỹ đại học / Trần Tử An. - H. : Y học, 2011. - 190 tr. ; 27 cm

- Thực hành Kiểm nghiệm, Bộ môn biên soạn dựa vào tài liệu thực tập Kiểm nghiệm, trường đại học Dược Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng kiểm nghiệm độc chất / Trường Đại học dược - Bộ môn phân tích và độc dược. - H. : Y học, 1984. - 253 tr. ; 24 cm

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Lý thuyết:** Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- **Thực tập:** Phòng thực tập được trang bị đủ:

+ Bàn thực tập chịu được ăn mòn

+ Hệ thống thoát thải chịu được ăn mòn

+ Hệ thống xử lý khí thải

+ Hệ thống đường nước

+ Trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho thực tập: cân phân tích, cân kĩ thuật, máy UV-Vis, máy đo pH, máy li tâm, máy cất quay chân không, máy HPLC,...

+ Dụng cụ, hóa chất phục vụ cho thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần

+ Kiểm tra thực tập: làm thực nghiệm, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi thực hành + Điểm thi lý thuyết) / 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hùng	Bùi Hải Nùng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ KINH TẾ DƯỢC
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian(tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 75 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Hóa dược
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Quản lý kinh tế Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, marketing, quản trị học trong lĩnh vực Dược.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- SV trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược
- SV trình bày được các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược
- SV có khả năng vận dụng được các kiến thức về quản lý kinh tế áp dụng trong các hoạt động kinh doanh của ngành dược

3.2. Về kĩ năng

Nắm bắt được các vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản và kinh tế dược, hệ thống tổ chức quản lý dược ở nước ta và trên thế giới và các tiêu chuẩn, mô hình, công cụ được sử dụng trong quản lý dược.

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của quản lý kinh tế trong ngành dược;
- Thể hiện được các phương pháp luận cơ bản vào khả năng tự học tập, nghiên cứu và tiếp cận với xu hướng quản lý kinh tế dược hiện đại.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Doanh nghiệp và luật doanh nghiệp	6		10

2	Tài chính doanh nghiệp	3		9
3	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dược	6		10
4	Qui định về thuế doanh nghiệp	2		9
5	Qui định về hợp đồng kinh tế	2		7
6	Quản lý cung ứng thuốc	2		10
7	Marketing và marketing dược	5		10
8	Quản trị học trong lĩnh vực dược	4		10
9	Vốn -Tài sản		6	
10	Chi phí - Lợi nhuận		6	
11	phân tích giá thành		6	
12	Phân tích kỹ năng quản trị		6	
13	Hoạch định chiến lược		6	
	Cộng	30	30	75

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: Thuyết trình, cho sinh viên đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Nguyễn Thị Thái Hằng. Lê Viết Hùng (2007), Quản lý và kinh tế Dược (Sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học
- Nguyễn Thị Thái Hằng (2003), Kinh tế Dược, Đại học Dược Hà Nội

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thị Thái Hằng. Lê Viết Hùng (2007), Quản lý và kinh tế Dược (Sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học
- Nguyễn Thị Thái Hằng (2003), Kinh tế Dược, Đại học Dược Hà Nội

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết
- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Thi viết

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm môn học = (Điểm thi lý thuyết*2 + Điểm thi thực tập*1)/3

KHOA DƯỢC HỌC

Nguyễn Văn Hưng

BỘ MÔN

Phạm Văn Trường

BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. Phạm Văn Thức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý*

3. Số tín chỉ: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 60

4. Chuyên ngành đào tạo: Dược sỹ chính quy và Dược sỹ liên thông.

5. Năm học: năm thứ 1.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

** Về kiến thức:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

** Về kỹ năng:*

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học và thăm dò chức năng cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu; bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm).
- Có kĩ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

** Về thái độ:*

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng;

Quá trình điều nhiệt trong cơ thể; Sinh lý hệ cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, sinh sản, thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kĩ thuật xét nghiệm máu, thăm dò chức năng, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 15 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

** Điều kiện:*

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).
- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

** Yêu cầu:*

- Thao tác đúng quy trình kĩ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu, bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm.
- Nhận định được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả một số thực nghiệm đánh giá chức năng, điều hòa hoạt động chức năng tuần hoàn, nội tiết, sinh sản, thần kinh.

** Chỉ tiêu:*

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  - + Một bài thi thực hành x 33%
  - + Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

** Lý thuyết:*

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

1.1. Tính chất của máu

1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu

2.2. Chức năng của hồng cầu

2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

4.1. Chức năng của các loại bạch cầu

4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu

5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

6.1. Giai đoạn thành mạch

6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu

6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông

6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông

6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống

2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể

2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

4.1. Ở mức tế bào

4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt

2. Quá trình sinh nhiệt

3. Quá trình tỏa nhiệt

4. Cơ chế điều nhiệt

4.1. Cơ chế chống nóng

4.2. Cơ chế chống lạnh

4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7. Sinh lý hệ tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận

2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượn gần, quai Henle

3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp

4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương

1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương

1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương

2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương

2.1. Chức năng của neuron

2.2. Các synap thần kinh

3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương

3.1. Tủy sống

3.2. Hành não

3.3. Não giữa

3.4. Thể lưới

3.5. Tiểu não

3.6. Não trước và vỏ não

4. Hệ thần kinh thực vật

4.1. Thần kinh giao cảm

4.2. Thần kinh phó giao cảm

5. Thần kinh cấp cao

Bài 9: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim

1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim

1.2. Chu kỳ tim

1.3. Điều hòa hoạt động tim

2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.1. Các loại huyết áp động mạch

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch

2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch

3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 10: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí

2. Chức năng vận chuyển khí

2.1. Máu vận chuyển oxy

2.2. Máu vận chuyển CO_2

3. Quá trình trao đổi khí

4. Điều hòa hô hấp

4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp

4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác

4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 11: Sinh lý tiêu hóa

1. Tiêu hóa ở miệng

1.1. Hoạt động cơ học

1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt

2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.1. Hoạt động cơ học

2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị

3. Tiêu hóa ở ruột non

3.1. Hoạt động cơ học

3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy

3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật

3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non

4. Tiêu hóa ở ruột già

Bài 12: Sinh lý nội tiết

1. Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon

2. Chức năng nội tiết vùng dưới đồi

3. Chức năng nội tiết tuyến yên

4. Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp

5. Chức năng nội tiết tuyến thượng thận

6. Chức năng nội tiết tuyến tụy

Bài 13: Sinh lý sinh sản

1. Sinh lý sinh sản nam

1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn

1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn

1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam

1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam

2. Sinh lý sinh sản nữ

2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng

2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng

2.3. Chu kỳ kinh nguyệt

2.4. Dậy thì và mãn kinh

2.5. Thụ thai, mang thai, sổ thai

2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai

2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm

3. Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai

**** Thực hành:***

Bài 1. Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.

Bài 2. Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.

Bài 3. Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi sống mất não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bồ câu.

Bài 4. Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 5. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.

Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cồn, kim chích, hóa chất, ống nghe, huyết áp, máy điện tim, máy đo chức năng thông khí hồi, máy siêu â,, động vật thực nghiệm ếch, bồ câu, thỏ, bàn mổ, panh, kéo, thuốc, hóa chất, hệ thống đo chức năng sống…

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn
- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: *(điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

** Tài liệu học tập*

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.

2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

** Tài liệu tham khảo*

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

** Phần lý thuyết*

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	1.5	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	1.5	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	3	ThS. Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	1.5	ThS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	1.5	ThS. Trang		
6	Sinh lý hệ tiết niệu	3	ThS. Nguyên		
7	Sinh lý thần kinh	3	PGS. Mùi		
8	Sinh lý tuần hoàn	3	ThS. Hồng		
9	Sinh lý hô hấp	3	ThS. Nguyên		
10	Sinh lý tiêu hóa	3	ThS. Trang		
11	Sinh lý nội tiết	3	ThS. Đông		
12	Sinh lý sinh sản	3	ThS. Đông		
Tổng		30			

** Thực hành*

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.	4	PGS Mùi	[1]	- GV: *giới thiệu bài học* - KTV: *thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật.* - SV: *+ Quan sát, Thực hiện kĩ thuật.* *+ Viết báo cáo thực hành*
2	Bài 2: Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.	4	PGS Mùi		
3	Bài 3: Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi cứng mất não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bồ câu.	4	ThS Nguyên		
4	Bài 4: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên	4	ThS Đông		

	hoạt động tim. Hấp thụ Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.				
5	Bài 5: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Hồng		
7	Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.	5	ThS. Hồng		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiến

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TOÁN - THỐNG KÊ Y DƯỢC
Năm học: 2016 - 2017

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
- Số tiết: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
- Số tiết tự học: 60
- Đối tượng: **Dược sĩ liên thông.**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán, Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Ngọc Tú

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Học phần Toán – Thống kê Y dược dành cho đối tượng Dược sĩ hệ đại học liên thông gồm 2 tín chỉ lý thuyết. Các tiết học được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp.
- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

+ Định nghĩa xác suất và các công thức tính xác suất.
+ Đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất và các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên. Một số quy luật phân phối xác suất thường gặp.
+ Mẫu và các đặc trưng mẫu.
+ Ước lượng tham số.
+ Kiểm định giả thiết thống kê.
+ Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Hiểu được các kiến thức xác suất thống kê cơ bản: Xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối; Mẫu và các đặc trưng mẫu; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thiết thống kê; Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến.

- Kỹ năng:

Giải được một số bài tập xác suất cơ bản (chủ yếu là các bài tập đơn giản về công thức xác suất đầy đủ, Bayes, Bernoulli) và một số bài tập thống kê cơ bản (ước lượng khoảng; kiểm định giả thiết về trung bình, tỷ lệ; tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến).

- Thái độ:

+ Nhận thức được ứng dụng của Xác suất thống kê trong nghiên cứu y dược.

+ Trung thực, khách quan trong xử lý dữ liệu.

+ Đi học đầy đủ, nghiêm túc; làm bài tập về nhà đầy đủ và có ý thức tham gia vào bài giảng trên lớp.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Hiện tượng nhẫu nhiên, phép toán và mối quan hệ giữa các hiện tượng. Vai trò của xác suất thống kê trong nghiên cứu Y dược. Hiện tượng ngẫu nhiên và xác suất của hiện tượng ngẫu nhiên: phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, hiện tượng ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các hiện tượng ngẫu nhiên, định nghĩa xác suất (định nghĩa cổ điển, định nghĩa theo tần suất, định nghĩa theo hình học), tính chất của xác suất.	3		6
2	Các công thức xác suất: công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ và	4		8

	và Bayes, công thức Bernoulli. Các tham số xét nghiệm: xác suất chẩn đoán đúng, giá trị tiên đoán dương tính, giá trị tiên đoán âm tính, độ nhạy, độ đặc hiệu.			
3	Đại lượng ngẫu nhiên: định nghĩa, phân loại, bảng phân bố xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.	3		6
4	Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Tính gần đúng các xác suất liên quan đến phân phối nhị thức.	4		8
5	Mẫu và các đặc trưng mẫu: mẫu, các cách chọn mẫu, các đặc trưng mẫu.	3		6
6	Ước lượng tham số: ước lượng điểm, ước lượng khoảng (định nghĩa khoảng tin cậy; ước lượng khoảng cho kỳ vọng, xác suất).	3		6
7	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình.	4		8
8	So sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập. Các chỉ số: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	4		8
9	Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến: hệ số tương quan, kiểm định sự tương quan, phương trình hồi quy tuyến tính thực nghiệm.	2		4
TỔNG		30	0	60

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Thuyết trình, vấn đáp, HV tự nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

Giáo trình Xác suất thống kê Y Dược (Dành cho hệ liên thông, VLVH), Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục, 2010.
2. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
3. Đặng Hùng Thắng, *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức về xác suất thống kê của HV ở bậc học dưới, trong cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.
- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, chuẩn bị bài, tham gia bài giảng trên lớp.
- **Đánh giá cuối học phần:** 01 bài thi tự luận 60 phút (trọng số 100%).

Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình được sử dụng làm điều kiện thi hết học phần.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiểu

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Nguyễn Tiến Thắng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ DƯỢC
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
Phân bố thời gian(tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
Số giờ tự học: 60 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Hóa dược, Bào chế
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Pháp chế hành nghề Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về các quy định của nhà nước về hành nghề Dược. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng, so sánh vào trong từng trường hợp cụ thể của hoạt động hành nghề Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- SV trình bày được các qui định pháp lý cơ bản trong công tác hành nghề dược.
- SV vận dụng được các qui định pháp lý cơ bản trong công tác hành nghề dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc.

3.2. Về kĩ năng

Nắm bắt nhanh chóng những vấn đề lý luận và thực tiễn của chính sách y tế về dược, đặc biệt các chính sách có liên quan đến hoạt hành nghề dược

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các quy phạm pháp luật nói chung và quy định của pháp luật trong lĩnh vực dược nói riêng;
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động nghề dược;
- Thể hiện được tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu, cập nhật các quy phạm pháp luật về dược.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Luật dược và các văn bản quản lý có liên quan đến lĩnh vực hành nghề Dược tại Việt Nam	3		6

2	Phân loại thuốc- danh pháp thuốc	2		4
3	Quy định quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần	3		5
4	Quy định kê đơn trong điều trị ngoại trú	2		4
5	Quy định sản xuất, pha chế thuốc	2		5
6	Quy định đăng ký thử lâm sàng thuốc	3		5
7	Quy định về nhãn thuốc- mỹ phẩm	3		4
8	Quy định về đăng ký thuốc	3		6
9	Quy định quản lý chất lượng thuốc	2		4
10	Quy định hành nghề dược tư nhân	3		5
11	Thông tin thuốc- quy chế thông tin quảng cáo thuốc	2		4
12	Quy định thanh tra dược	2		4
	Cộng	30	0	60

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2011), Pháp chế Dược (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), NXB giáo dục Việt Nam

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2011), Pháp chế Dược (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), NXB giáo dục Việt Nam
- Thông tư 22/2011/TT-BYT Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện
- Thông tư 23/2011/TT-BYT Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 1
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 0 Lâm sàng: 2

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 0 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Dược lâm sàng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý kinh tế Dược, Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	ThS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần thực hành dược khoa 1 tạo điều kiện cho sinh viên quan sát việc dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực trong ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên tích lũy kiến thức thực tiễn trong thực hành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: yêu cầu sinh viên áp dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động dược tại nhà thuốc, khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
1.	Giới thiệu tổng quát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện	5	2.5
2.	Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại kho của khoa dược bệnh viện	6	3
3.	Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Hội đồng thuốc và điều trị	10	5
4.	Cung ứng và cấp phát thuốc trong bệnh viện - Cách tổ chức cung ứng (lập dự trù, đấu thầu, kí hợp đồng mua) - Cách tổ chức, cấp phát thuốc đến tay người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế)	11	6.5
5.	Nghiệp vụ dược bệnh viện - Các văn bản pháp lý hiện hành và việc triển khai thực hiện trong khoa dược và các khoa phòng chuyên môn - Các qui trình thao tác chuẩn trong khoa dược bệnh viện	10	5

	- Phần mềm quản lí khoa Dược		
6.	Dược lâm sàng Triển khai công việc theo thông tư 31/2012- BYT	10	5
7.	Giới thiệu về nhà thuốc bệnh viện	5	2
8.	Các qui trình thao tác chuẩn của nhà thuốc GPP	5	3
9.	Quan sát thực hành các hoạt động của nhà thuốc	7	3
10.	Kiểm tra, tổng kết	23	12
	Cộng	90	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Thực hành: Thuyết trình, cầm tay chỉ việc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên quan sát tại khoa Dược bệnh viện và nhà thuốc bệnh viện, tham gia trao đổi.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Checklist.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Checklist.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** hỏi sinh viên

- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia thực tập bệnh viện (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: serminar.

- Đánh giá kết thúc học phần:

Thi thực hành lâm sàng: báo cáo tiểu luận

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm kết thúc học phần = điểm thi thực hành

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC	PT BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC DƯỢC (TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Chăm sóc dược giúp sinh viên hình thành các kỹ năng liên quan đến việc hướng dẫn sử dụng thuốc, theo dõi hiệu quả, độ an toàn, phát hiện nguyên nhân thất bại điều trị liên quan đến thuốc và đề xuất biện pháp xử trí.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức, kỹ năng: Yêu cầu sinh viên sau khi học:

- Biết cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc dược.
- Có được kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc dược cho bệnh nhân

- Xây dựng được nội dung tư vấn cho bệnh nhân điều trị một số bệnh mạn tính: hen, đái tháo đường, tăng huyết áp

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1.	Đại cương về chăm sóc dược	2	4
2.	Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc dược	3	6
3.	Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	2	4
4.	Kiểm soát tương tác thuốc trong điều trị	2	4
5.	Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản	2	4
6.	Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường	2	4
7.	Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân trong điều trị HIV	2	4
	Cộng	15	30

4.2. Thực tập

TT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
1.	Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	12	6
2.	Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản	4	2
3.	Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường	6	3
4.	Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân trong điều trị HIV	4	2
5.	Tư vấn chăm sóc dược cho bệnh nhân tăng huyết áp	4	2
	Cộng	30	15

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực

- Thực hành: Tư vấn chăm sóc một trường hợp bệnh nhân cụ thể

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: tư vấn chăm sóc một trường hợp bệnh nhân cụ thể, trao đổi.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Chăm sóc Dược, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

Cipolle R.J et al, Pharmaceutical Care Practice, McGraw-Hill (1998)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Kiểm tra thực tập: phân tích case lâm sàng, vấn đáp.

+ Thi kết thúc học phần: tự luận

- Trọng số các điểm:

+ Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

+ Điểm môn học = (Điểm thi kết thúc học phần *1+Điểm kiểm tra thực tập*1)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC	PT BỘ MÔN
	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Mai Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Khoa Dược học
Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ chính quy liên thông

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Kỹ thuật sản xuất dược phẩm. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về các quy trình kỹ thuật sản xuất các dạng bào chế ở quy mô công nghiệp. Chương trình thực hành đề

cập đến quy trình sản xuất một dạng bào chế ở quy mô công nghiệp đi từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm thuốc đầu ra, đảm bảo 1 quy trình đạt chuẩn GMP.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv nắm được một số qui trình cơ bản trong công nghiệp: nghiền, rây, sấy, khuấy trộn, tiệt trùng, lọc, tạo hạt.
- Kỹ năng: sv nắm được kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc: viên nén, viên nang, thuốc tiêm, kỹ thuật bao và ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG

STT	Chủ đề	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Sơ lược về sự ra đời và phát triển công nghệ dược phẩm, quá trình nghiên cứu bào chế sản xuất thuốc ra thị trường	2	5	4
2	Kỹ thuật lọc, rây, sản xuất nước tinh khiết	2	0	4
3	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên nén	4	25	8
4	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên nang	6	5	12
5	Kỹ thuật sản xuất thuốc viên tròn	4	15	8
6	Kỹ thuật bao viên	4	10	8
7	Kỹ thuật sản xuất thuốc tiêm	4	0	8
8	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc	4	0	8
	Tổng	30	60	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên làm thí nghiệm, giải thích vai trò của tá dược, nguyên tắc tiến hành.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Công nghệ bào chế dược phẩm : Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Hoàng Minh Châu. - Tái bản lần thứ hai, Nhà xuất bản giáo dục, 2013.
2. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: sách đào tạo dược sĩ đại học: Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa dược và chiết xuất dược liệu. Tập 1, Nhà xuất bản Y học, 2007.
3. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: Tập 3 Công nghệ sản xuất các dạng thuốc: Sách dùng đào tạo dược sỹ đại học, Nhà xuất bản Y học, 2007.
4. Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: Sách dùng đào tạo dược sỹ đại học : T2: Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp sinh tổng hợp, Nhà xuất bản Y học, 2007.
5. Thực tập Công nghệ sản xuất dược phẩm, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Cơ sở công nghệ sinh học và sản xuất dược phẩm, Nhà xuất bản y học, 2004.
2. Herbert A. Lieberman, Leon Lachman, and Joseph B. Schwartz, *Pharmaceutical Dosage Forms: Tablets Volume 1*, Second Edition, 1989.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc:bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, máy dập viên, máy đóng viên nang, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bở, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, máy bao viên, máy tạo pellet, máy tạo viên hoàn mềm, máy bao viên hoàn cứng, máy lên men, tủ cấy an toàn sinh học, tủ ấm 4^0C, tủ nuôi cấy CO_2.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận

- **Trọng số các điểm:**

+ Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

+ Điểm trung bình học phần = (Điểm kiểm tra thực hành + Điểm thi kết thúc học phần)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Ehức*

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Khoa Dược học
Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

DẠNG BÀO CHẾ ĐẶC BIỆT

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 tiết Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 30 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ chính quy liên thông

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học

Học phần học trước: không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
3	Ds. Vũ Thị Quỳnh	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
4	Ts. Trịnh Hiền Trung	Bộ môn Dược liệu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp các kiến thức cập nhật về các dạng bào chế mới, đặc biệt như viên nén giải phóng kéo dài, giải phóng nhanh, bao tan trong ruột, thuốc tác dụng tại đích, hệ trị liệu qua da cùng công nghệ bào chế nano.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được các kiến thức cơ bản về một số viên nén đặc biệt, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt đặc biệt, thuốc tác dụng tại đích, hệ trị liệu qua da.

- Kỹ năng: sv vận dụng được các kiến thức nêu trên vào việc hướng dẫn sử dụng thuốc và trong công tác tìm hiểu nghiên cứu kĩ thuật bào chế dạng thuốc đặc biệt và ứng dụng công nghệ sản xuất vào thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Viên nén giải phóng kéo dài	4	30	8
2	Hệ trị liệu qua da	2	0	4
3	Viên nén giải phóng nhanh	2	0	4
4	Đại cương thuốc tác dụng tại đích	1	0	2
5	Liposome	2	0	4
6	Hệ keo lipid	1	0	2
7	Công nghệ nano trong bào chế thuốc	3	0	6
Tổng		15	`30	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Nhà xuất bản y học, *Một số chuyên đề về bào chế hiện đại*, 2005

2. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật nano và liposome ứng dụng trong dược phẩm*, mỹ phẩm, 2013

3. Herbert A. Lieberman, Leon Lachman, and Joseph B. Schwartz (1989), *Pharmaceutical Dosage Forms: Tablets Volume 1*, Second Edition

4. John Wiley & Sons, Inc (2012), *Transdermal and Topical drug delivery principles and practice*

6.2. Tài liệu tham khảo

1. *Một số vấn đề cơ bản và hiện đại về công nghệ bào chế các dạng thuốc*, Nhà xuất bản y học, 2010

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết
- Phòng thực tập kèm theo trang thiết bị máy móc:bộ rây, tủ sấy, cân kỹ thuật điện tử, máy dập viên, máy đo pH, máy đo hàm ẩm, máy đo độ rã, máy đo độ bở, máy đo độ cứng, máy thử độ hòa tan, máy bao viên, máy tạo pellet, máy đo độ ổn định thuốc, máy đông khô.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- **Đánh giá trong quá trình học tập:**

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.
+ Kiểm tra thực tập: làm thí nghiệm, vấn đáp.

- **Đánh giá sau khi học:** Thi kết thúc học phần: tự luận
- **Trọng số các điểm:**

+ Điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành: điểm điều kiện thi hết học phần
+ Điểm trung bình học phần = (Điểm kiểm tra thực hành + Điểm thi kết thúc học phần)/2

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
DUYỆT		
	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Dược Chu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Dược sỹ hệ liên thông

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần học trước: Điều dưỡng cơ bản

Học phần song hành: Da liễu, Tai mũi họng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng,

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ chế chung của phản ứng dị ứng; về cơ chế, biểu hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị các bệnh dị ứng thường gặp và các bệnh tự miễn chính.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về dị ứng và miễn dịch lâm sàng cơ bản để học tập, nghiên cứu các học phần liên quan: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Kiến thức:

- Trình bày được cơ chế chung của phản ứng dị ứng.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh dị ứng thường gặp.
- Trình bày được cơ sở khoa học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của một số biện pháp trị liệu miễn dịch trong một số bệnh dị ứng và bệnh tự miễn.

Kỹ năng:

- Thực hành được test chẩn đoán bệnh dị ứng.
- Áp dụng các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị các cấp cứu phản ứng dị ứng (sốc phản vệ, cơn hen phế quản cấp, dị ứng thuốc...)

Thái độ: Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về dị ứng học, dị nguyên, phương pháp điều trị đặc hiệu các bệnh dị ứng Thực hành test lẩy da	2	4	4
2	Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu	1	2	2
3	Bệnh dị ứng nghề nghiệp	1	2	2
4	Viêm mũi dị ứng, Mày đay	1	4	2
5	Hen phế quản	2	4	4
6	Luput ban đỏ hệ thống	2	4	4
7	Bệnh tự miễn	2		4
8	Dị ứng thuốc	2	2	4
9	Sốc phản vệ	2	2	4
10	Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu		2	
11	Bệnh án dị ứng		2	
12	Viêm khớp dạng thấp		2	
Tổng		15	30	30

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1:	- *Đại cương dị ứng học, dị nguyên* - *Chẩn đoán đặc hiệu* - *Viêm mũi dị ứng*	- Giảng viên phân tích cho sinh viên về nguồn gốc môn học, các khái niệm cơ bản và các phương pháp chẩn đoán đặc biệu các bệnh dị ứng - Giới thiệu các trọng điểm bài Viêm mũi				Sinh viên đọc trước bài ở nhà, tự nghiên cứu bài Viêm mũi dị ứng sau khi giảng viên hướng dẫn nội dung cần chú ý	

		dị ứng để sinh viên tự tìm hiểu					
	- Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu *- Bệnh dị ứng nghề nghiệp*	- Giảng viên giới thiệu các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng, chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc, tiến hành - Giới thiệu một số bệnh nghề nghiệp thường gặp trong thực tế, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chi tiết				- Sinh viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các bệnh dị ứng nghề nghiệp khác có thể gặp trên thực tế trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn	
	- Hen phế quản *- Bệnh tự miễn* *- Luput ban đỏ hệ thống*	- Giảng viên phân tích chi tiết về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, thăm dò chức năng trong bệnh cảnh Hen phế quản - Hướng dẫn sinh viên các điểm trọng tâm cần lưu ý ở bệnh nhân mắc bệnh tự				- Sinh viên cần lưu ý các tiêu chuẩn chẩn đoán Luput ban đỏ hệ thống - Sinh viên tự tìm hiểu thêm về một số bệnh tự miễn sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

		miễn và luput ban đỏ hệ thống				trọng tâm		
	Dị ứng thuốc *- Sốc phản vệ*	- Giảng viên phân tích các triệu chứng nhận biết bệnh nhân dị ứng thuốc đặc trưng và hiếm gặp - Giảng viên phân tích sự thay đổi của các hệ cơ quan tương ứng triệu chứng lâm sàng khi bệnh nhân có sốc phản vệ							
Tuần 2:	*- Thực hành lâm sàng*	- Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành test lẩy da			- Thực hành test lẩy da: sau khi được giảng viên nhắc lại phần lý thuyết, chỉ định, chống chỉ định, tiến hành thì sinh viên trực tiếp thực hành test chéo theo hình thức cặp đôi và đọc kết quả dưới sự hướng	Sinh viên tìm hiểu thêm các phác đồ điều trị sốc phản vệ cập nhật qua các năm theo khuyến cáo của WHO và Bộ y tế		

					dẫn của kĩ thuật viên - Bệnh án dị ứng			
	- *Thực hành lâm sàng*	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị - Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu và cách đọc kết quả			- Lâm sàng hen phế quản - Lâm sàng viêm khớp dạng thấp - Lâm sàng luput ban đỏ hệ thống - Lâm sàng dị ứng thuốc - Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng		
	- *Thực hành lâm sàng*	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị			- Lâm sàng sốc phản vệ - Lâm sàng viêm mũi dị ứng	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng		

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: giảng lâm sàng tại bệnh viện, nghiên cứu các tình huống lâm sàng, thực hành các test chẩn đoán bệnh dị ứng

6.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: nghe giảng, xem minh họa, thảo luận
- Thực hành: sinh viên thực hành các test chẩn đoán, tham gia trao đổi, thảo luận các tình huống lâm sàng, đóng vai
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. https://emedicine.medscape.com/allergy_immunology
1. Bài giảng dị ứng - Miễn dịch lâm sàng. - H. : Y học, 2011.– 174tr.
2. Dị ứng thuốc . - H. : Y học, 2011. - 397tr. ; 27cm
3. Hen phế quản. - H. : Y học, 2011. - 392tr. ; 27cm. Tập 2 : Phần thực hành, 2011. - 392tr.
4. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 1 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 199tr. ; 27cm
5. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 2 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 498tr. ; 27cm
6. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng : Ban hành kèm theo Quyết định số 3942/QĐ-BYT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - H. : Y học, 2015. - 143tr. ; 27cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành lâm sàng: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng mới được thi hết học phần thực hành lâm sàng.

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng.

8.2. Thi lý thuyết:

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Dị ứng - MDLS

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Dị ứng - MDLS

- *Đánh giá quá trình:* sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- *Đánh giá cuối kỳ:* Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: TKHP = (LT + TH)/2

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành lâm sàng: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Khê	Phạm Thị Quyên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC DỊCH TỄ
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian(tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 45 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dịch tễ Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức đại cương về dịch tễ học.
- Áp dụng được những kiến thức dịch tễ học trong thiết kế các nghiên cứu về sử dụng thuốc trong cộng đồng, hướng cộng đồng tới việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

3.2. Về kĩ năng

Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu dịch tễ dược học vào thực tiễn.

3.3. Về thái độ

Nhận biết được tầm quan trọng về tổng quan vai trò của dịch tễ dược học trong quản lý và nghiên cứu

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Khái niệm về dịch tễ và dịch tễ dược học	1	2	3
2	Khái niệm nghiên cứu dịch tễ dược học	4	2	9
3	Các thiết kế nghiên cứu	2	3	6
4	Cỡ mẫu trong nghiên cứu dịch tễ dược học	2	3	6

5	Kỹ thuật chọn mẫu trong nghiên cứu dịch tễ dược học	2	10	6	
6	Thiết kế bộ câu hỏi trong nghiên cứu cộng đồng	2	6	6	
7	Lập kế hoạnh nghiên cứu sức khỏe và sử dụng thuốc ở cộng đồng	2	4	6	
Cộng		15	30	45	

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- thực tập: hướng dẫn xây dựng đề cương.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Khi thực tập, sinh viên làm việc nhóm để xây dựng đề cương.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Nguyễn Thanh Bình (2007), Dịch tễ dược học (sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học

6.2. Tài liệu học

- Nguyễn Thanh Bình (2007), Dịch tễ dược học (sách đào tạo dược sĩ đại học), NXB Y học

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Lý thuyết: thi viết tự luận
- Thực hành: thi viết tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm môn học = (Điểm thi lý thuyết + Điểm thi thực tập)/2

KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
Nguyễn Văn Hưng	Phạm Văn Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU BIỂN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 tiết Lý thuyết: 15 tiết Thực hành: 30 tiết

Số giờ tự học: 45 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sĩ liên thông đại học hệ chính quy

Học phần tiên quyết: Thực vật dược

Học phần học trước: Thực vật dược

Học phần song hành: Dược liệu

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật - Dược liệu, Khoa Dược học.

Cán bộ phụ trách giảng dạy:Ngô Thị Quỳnh Mai, Phạm Thị Anh, Lưu Thi Thu Huyền.

Giảng viên kiêm chức: Ts. Đàm Đức Tiến, Ts. Bạch Thị Như Quỳnh, Bs. Trần Danh Tiến Thịnh

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần mô tả các nhóm dược liệu từ biển (đông vật, thực vật, vi sinh vật, hệ thống phân loại và hệ thống học thực vật biển. Độc tố từ các nhóm sinh vật biển khác.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Sau khi học xong môn phân loại thực vật biển, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về nguyên tắc phân loại để có khả năng:

- Nắm được các nhóm dược liệu từ biển (động vật, thực vật, vi sinh vật, hệ thống phân loại và hệ thống học thực vật biển,
- Độc tố từ các nhóm sinh vật biển khác.
- Nắm được độc tố biển và các sản phẩm chủ yếu từ sinh vật biển Việt Nam hiện có trên thị trường.

- Vận dụng và liên hệ được những kiến thức về dược liệu biển vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Số giờ tự học
PHẦN I: CÁC NHÓM DƯỢC LIỆU ĐỘNG VẬT BIỂN		5	6	15
1	Nhóm Hải miên			
2	Nhóm San hô			
3	Nhóm Da gai			
4	Nhóm Động vật thân mềm biển			
5	Nhóm Giáp xác			
	PHẦN II: CÁC NHÓM DƯỢC LIỆU THỰC VẬT VÀ VI SINH VẬT BIỂN	5	6	10
6	Nhóm Thực vật biển			
7	Nhóm Vi sinh vật biển			
PHẦN III: ĐỘC TỐ VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU HIỆN NAY		5	6	15
1.	Độc tố biển			
2.	Các sản phẩm từ sinh vật biển Việt Nam			
3	Các nhóm sinh vật biển khác			
4	Thu mẫu tại thực địa		12	5
TỔNG		15	30	45

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

5.1 Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, seminar.
- Thực hành: Cầm tay chỉ việc, hoạt động theo nhóm

5.2 Phương pháp học và tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm , kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên chuẩn bị bài, thực hành theo nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học, sinh viên thực tế tại cơ sở, viết báo cáo thu hoạch.....

Sinh viên tự học: chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề... tự học tại thực tế, nhận biết các cây, các loài thực vật

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy: Tài liệu do giảng viên bộ môn và các chuyên gia biên soạn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

7.2 Thực tập: Phòng thực tập được trang bị đủ:

- Dụng cụ dùng cho làm tiêu bản thực vật: Kính hiển vi, giấy thấm, khung nẹp,...
- Tủ sấy
- Hóa chất dùng cho tẩy nhuộm tiêu bản: Javen, xanh methylen, đỏ carmin.....
- Hệ thống đường nước, bàn ghế thực tập

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1 Đánh giá ban đầu:

- Lý thuyết: Hỏi sinh viên đáp ứng đã hiểu rõ các học phần tiên quyết
- Thực hành: Kiểm tra phần chuẩn bị bài thực tập trước khi vào lớp

8.2 Đánh giá quá trình:

- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3 Đánh giá sau quá trình:

- Lý thuyết: Thi viết tự luận
- Thực hành: Làm thực nghiệm, vấn đáp

Điểm học phần = [điểm học phần lý thuyết + điểm học phần thực hành] / 2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG		
GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Văn Hưng	Ngô Thị Diệp Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC XÃ HỘI HỌC
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
Số giờ tự học: 15 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế, Pháp chế hành nghề Dược
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dược xá hội học cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức căn bản về các chính sách về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và lĩnh vực Dược của Nhà nước, các ví dụ về xây dựng mô hình quản lý Dược ở các nước trên thế giới.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được xu hướng phát triển hiện nay của ngành dược trên thế giới
- Trình bày được các quan niệm, đường lối chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước về ngành y tế, các chương trình y tế trọng điểm
- Trình bày được những nội dung cơ bản trong chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam

3.2. Về kĩ năng

Nắm bắt được các xu hướng, quan niệm, đường lối của Đảng và Nhà nước về dược và thực hiện được kỹ năng xây dựng và triển khai kế hoạch về dược trong các cơ sở y tế cộng đồng và các hoạt động chuyên môn về dược.

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành dược.
- Thể hiện được tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Lịch sử ngành dược việt nam	2		2
2	Tổ chức ngành dược Việt Nam	2		4

3	Quan điểm nhiệm vụ ngành	2		2
4	Chiến lược chăm sóc sức khỏe toàn dân	3		3
5	Các chương trình y tế quốc gia	3		3
6	Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam	6		4
7	Chương trình thuốc thiết yếu của WHO và Việt Nam	3		4
8	Bảo hiểm y tế	6		4
9	Công tác dược bệnh viện	3		4
Cộng		30		30

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Hoàng Đình Cầu (1982), Y học xã hội, NXB Y học

6.2. Tài liệu học

- Hoàng Đình Cầu (1982), Y học xã hội, NXB Y học

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

KHOA DƯỢC HỌC

Nguyễn Văn Hùng

BỘ MÔN

Phạm Văn Trường

BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MARKETING DƯỢC VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
Phân bố thời gian(tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
Số giờ tự học: 60 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Marketing Dược cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về Marketing và ứng dụng các chiến lược của Marketing trong đặc thù của ngành Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức đại cương về Marketing.
- Áp dụng được những kiến thức về Marketing vào ngành Dược.

3.2. Về kĩ năng

Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của người làm Marketing đối với một sản phẩm kinh doanh, ở đây là lĩnh vực dược phẩm

3.3. Về thái độ

Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với Marketing nói chung và marketing dược nói riêng. Từ đó, phát triển ý thức thực hành và ứng dụng thường xuyên các kiến thức và kỹ năng Marketing được học trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Bản chất của Marketting	2		6
2	Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketting	2		6
3	Môi trường Marketting	2		6
4	Phân đoạn thị trường, thị trường mục tiêu	3		6
5	Hành vi của khách hàng	3		6

6	Các quyết định về sản phẩm	3		6
7	Các quyết định về giá cả	3		6
8	Các quyết định về phân phối	3		6
9	Các quyết định về xúc tiến	3		6
10	Marketing dược	6		6
	Cộng	30		60

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu học

- Trần Minh Đạo (2002), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Giáo dục

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần
- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết

KHOA DƯỢC HỌC | BAN GIÁM HIỆU | BỘ MÔN

Nguyễn Văn Hưng | GS.TS. Phạm Văn Thức | Phạm Văn Trường

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Khoa Dược học
Bộ môn Bào chế và công nghệ Dược

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỸ PHẨM VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 giờ

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ chính quy liên thông

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học

Học phần học trước: không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bào chế và công nghệ dược, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược
2	ThS. Ds. Nguyễn Thanh Tâm	Bộ môn Bào chế và Công nghệ dược

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, giúp sinh viên phân biệt giữa thực phẩm chức năng và thuốc. Đồng thời cung cấp các kiến thức về các thông tư hướng dẫn quản lý sử dụng thực phẩm chức năng và mỹ phẩm tại Việt Nam. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về những nguồn nguyên liệu chủ yếu sử dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng và mỹ phẩm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: sv trình bày được khái niệm, phân loại thực phẩm chức năng và mỹ phẩm, phân biệt được thực phẩm chức năng và thuốc, nêu được các nguồn nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

- Kỹ năng: sv hướng dẫn sử dụng mỹ phẩm và thực phẩm chức năng hợp lý, an toàn, các thông tư hướng dẫn về quản lý, sử dụng thực phẩm chức năng và mỹ phẩm trên thị trường và ứng dụng nghiên cứu sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
- Thái độ: sv tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành, khiêm tốn học tập vươn lên.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	Tên bài	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Giới thiệu về thực phẩm chức năng và phân loại các nguồn nguyên liệu trong sản xuất thực phẩm chức năng	5	0	10
2	Nhóm chất bổ sung nguồn gốc hóa dược và một số dạng bào chế thường gặp	5	0	10
3	Nhóm chất bổ sung nguồn gốc thực vật, sinh học và một số dạng bào chế thường gặp	5	0	10
4	Phân tích được thành phần chính và kỹ thuật bào chế một số chế phẩm mỹ phẩm thông dụng	15	0	30
	Tổng	30	0	60

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

.6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Dương Thanh Liêm- *Thực phẩm chức năng – sức khỏe bền vững* – NXB Khoa học kỹ thuật, 2010

2. Thông tư số 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng, Bộ y tế
3. A.O Barel, *Handbook of cosmetic science and technology*, Informa, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Pamela Manson – Dietary supplement – Third edition – London 2007
2. Bộ môn Bào chế trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật nano và liposome ứng dụng trong dược phẩm, mỹ phẩm*, 2013
3. *Paucher's perfume, cosmetics and soaps*, Hilda Butler, 10th Edition
4. L.D. Rhein et al, *Surfactants in personal care product and decorative cosmetic*, CRC Press, 2007

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, màn chiếu, micro, bảng viết

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: điểm các học phần tiên quyết, trung bình của các học kỳ trước
- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá sau khi học: Thi kết thúc học phần: tự luận
- Trọng số các điểm:

+ Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: điểm điều kiện thi hết học phần

+ Điểm trung bình học phần = Điểm thi kết thúc học phần

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA	PT BỘ MÔN
DUYỆT		
PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng		ThS. Ds. Ninh Thị Kim Thu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NHÓM GPs
(TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian(tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
Số giờ tự học: 45 tiết
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Dược lý, Quản lý Kinh tế Dược, Bào chế
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần nhóm các GP: GMP, GDP, GSP, GLP, GPP cung cấp cho đối tượng sinh viên Dược những kiến thức cơ bản về các bộ quy tắc thực hành tốt trong lĩnh vực Dược

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về các GP.
- Áp dụng được những kiến thức về GP trong các trường hợp cụ thể.

3.2. Về kĩ năng

Sau khi học xong, sinh viên sẽ nắm bắt nhanh chóng được những vấn đề về lý luận và thực tiễn áp dụng các tiêu chuẩn thực hành tốt (GPs) trong thực tiễn.

3.3. Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các GP trong việc bảo đảm chất lượng thuốc.
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật.
- Thể hiện được tinh thần tự giác học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tự học
1	Tổng quan về các GP	5		5
2	GMP, GLP	4	15	10
3	GSP	2	10	10
4	GDP	2	10	10

5	GPP	2	10	10
Cộng		15	45	45

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, tổ chức seminar.
- Thực tập: hướng dẫn giải quyết tình huống, thăm quan

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

- Quyết định số 4288/QĐ-BYT Ban hành tài liệu hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Health supplements).
- Quyết định số 1570/2000/QĐ-BYT về việc triển khai áp dụng nguyên tắc "Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc"
- Quyết định số 2701/2001/QĐ-BYT về việc triển khai áp dụng nguyên tắc "Thực hành tốt bảo quản thuốc"
- Thông tư số 48/2011/TT-BYT Ban hành nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc"
- Thông tư số 46/2011/TT-BYT Ban hành nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc"

6.2. Tài liệu học

- Quyết định số 4288/QĐ-BYT Ban hành tài liệu hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Health supplements).
- Quyết định số 1570/2000/QĐ-BYT về việc triển khai áp dụng nguyên tắc "Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc"
- Quyết định số 2701/2001/QĐ-BYT về việc triển khai áp dụng nguyên tắc "Thực hành tốt bảo quản thuốc"
- Thông tư số 48/2011/TT-BYT Ban hành nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc"
- Thông tư số 46/2011/TT-BYT Ban hành nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc"

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên đã đáp ứng, hiểu rõ các học phần tiên quyết

8.2. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá sau quá trình

- Thi kết thúc học phần: tự luận

8.4. Trọng số các điểm

- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình là điều kiện thi hết học phần

- Điểm thi kết thúc học phần = Điểm thi thực tập

KHOA DƯỢC HỌC

Nguyễn Văn Hưng

BỘ MÔN

Phạm Văn Trường

BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. Phạm Văn Thức

ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN: PL&CSYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ

1.Mã số: Pháp luật và chính sách y tế

2.Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành:

3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 2; Thực hành: 0)

5.Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc Bộ môn Y học xã hội

6. Đối tượng: Dược sĩ liên thông

7. Giảng viên giảng dạy:

- TS.Nguyễn Hải Ninh
- ThS.Nguyễn Thị Lan Anh
- BSCKII. Nguyễn Bá Dụng

8. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được quá trình hình thành, vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND
5. Trình bày được nội dung chính của luật khám chữa bệnh và luật bảo hiểm y tế trong công tác y tế hiện nay.
6. Trình bày được khái niệm một số chính sách về y tế của Đảng và Nhà nước.
7. Vận dụng được những KT môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

9.Nội dung:

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3		4
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1		2

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
3	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật, QPPL và VBQPPL	2		4
4	Quan hệ PL, thực hiện PL, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2		4
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tố tụng dân sự	3		7
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	3		7
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	3		7
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3		4
9	Khái niệm về luật pháp chính sách trong y tế, vai trò, ý nghĩa về nội dung các luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	3		7
10	Nội dung của luật khám chữa bệnh và luật BH y tế	4		7
11	Một số chính sách về y tế của nhà nước Việt Nam	3		7
	TỔNG SỐ:	30		60

10. Phương pháp dạy - học:

10.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống

- Bài tập tình huống: Đưa ra các giả thuyết nhận định và phân tích tình huống, thảo luận nhóm, đưa ra bài học

10.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi làm các bài tập tình huống: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và phân tích, nhận định từ đó rút ra hướng giải quyết vấn đề.

- Sinh viên tự học: sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ (TÍN CHỈ)

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông chính quy

Học phần tiên quyết: Hóa sinh lâm sàng, Dược lâm sàng, Bệnh học

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	ThS. DS. Nguyễn Thị Mai Loan	Bộ môn Dược lâm sàng
2	ThS.DS. Trần Thị Ngân	Bộ môn Dược lâm sàng
3	ThS.DS. Lê Thị Thùy Linh	Bộ môn Dược lâm sàng
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Khoa Dược
5	ThS.BS. Đặng Văn Minh	Giảng viên kiêm nhiệm
6	ThS. BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Giảng viên kiêm nhiệm
7	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	Giảng viên kiêm nhiệm
8	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên kiêm nhiệm
9	ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh	Giảng viên kiêm nhiệm
10	ThS.BS. Bùi Bích Ngọc	Giảng viên kiêm nhiệm

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nhóm thuốc, phác đồ điều trị các bệnh thường gặp. Từ đó sinh viên có cơ sở để hình thành được kỹ năng thực hành dược lâm sàng trong tư vấn và giám sát các công việc liên quan đến thuốc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức: yêu cầu sinh viên sau khi học phải phân tích, áp dụng được cách sử dụng thuốc để điều trị từng bệnh

Về kỹ năng: sinh viên hình thành kỹ năng tư vấn và giám sát việc sử dụng thuốc trong thực hành lâm sàng

Về thái độ: yêu cầu sinh viên sau khi học phải có

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI HỌC	SỐ TIẾT GIẢNG	
		LT	Tự học
1	Sử dụng thuốc điều trị loét dạ dày-tá tràng	4	8
2	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ-xương-khớp	4	8
3	Sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường	4	8
4	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh mắt	4	8
5	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh da liễu	4	8
6	Sử dụng thuốc điều trị các bệnh tai-mũi-họng	4	8
7	Sử dụng thuốc điều trị rối loạn mỡ máu	3	6
8	Sử dụng thuốc điều trị suy tim	3	6
	Cộng	30	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2 : Sử dụng thuốc trong điều trị, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc : Dùng cho bác sỹ và dược sỹ tuyến cơ sở (2000), NXB Y học
- Tài liệu tập huấn sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị: Tài liệu dùng cho đào tạo liên tục bác sĩ, dược sĩ bệnh viện (2005), NXB Hà Nội
- Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Dược lâm sàng - Những nguyên lý sử dụng thuốc trong điều trị tập 1, NXB Y học.
- Drug therapy 2000 : Milo Gibaldi Ph.D. - New york : McGraw – Hill
- Barbara G. Wells et al (2014), Pharmacotherapy hand book 9th, McGraw-Hill.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

- Đánh giá trong quá trình học tập:

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp, thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: bài tập nhóm, câu hỏi ngắn.

- Đánh giá kết thúc học phần:

+ Thi kết thúc học phần: thi lý thuyết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN QUẢN LÝ – KINH TẾ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 2
(TÍN CHỈ)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 0 Thực hành: 2
Phân bố thời gian(tiết): 90 Lý thuyết: 0 Thực hành: 90
Số giờ tự học: 75 tiếtdf
Đối tượng sinh viên: Dược sỹ đại học liên thông
Học phần tiên quyết: Không
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Khoa Dược học
Giảng viên phụ trách giảng dạy: Phạm Văn Trường, Ngô Thị Thu Hằng, Lưu Quang Huy

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học thực hành dược khoa 2 tạo điều kiện cho sinh viên quan sát việc dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực trong ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên tích lũy kiến thức thực tiễn trong thực hành.

3.MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Về kiến thức

Quan sát dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực thực hành, làm quen với môi trường nghề nghiệp

3.2. Về kĩ năng

Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động dược tại nhà thuốc khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện

3.3. Về thái độ

- Phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm với công việc được giao
- Cẩn thận, trung thực và kiên trì
- Tôn trọng và hết lòng với người bệnh

4.NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Tên bài	Số tiết	
		Thực hành	Tự học
Tại khoa Dược bệnh viện			
1	Giới thiệu tổng quát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện	2	4
2	Việc sắp xếp, phân loại và bảo quản thuốc tại kho của khoa dược bệnh viện	4	4

3	Thông tin giới thiệu thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Hội đồng thuốc và điều trị	4	8
4	Cung ứng và cấp phát thuốc trong bệnh viện - Cách tổ chức cung ứng (lập dự trù, đấu thầu, kí hợp đồng mua) - Cách tổ chức, cấp phát thuốc đến tay người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế)	8	8
5	Nghiệp vụ dược bệnh viện - Các văn bản pháp lý hiện hành và việc triển khai thực hiện trong khoa dược và các khoa phòng chuyên môn - Các qui trình thao tác chuẩn trong khoa dược bệnh viện - Phần mềm quản lí khoa Dược	8	8
6	Dược lâm sàng Triển khai công việc theo thông tư 31/2012- BYT	30	20
7	Pha chế thuốc trong bệnh viện	2	2
Tại nhà thuốc bệnh viện			
1	Giới thiệu về nhà thuốc bệnh viện	2	2
2	Các qui trình thao tác chuẩn của nhà thuốc GPP	5	4
3	Quan sát thực hành các hoạt động của nhà thuốc	20	15
Kiểm tra, tổng kết		5	
	Cộng	90	75

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Thuyết trình
- Cầm, tay chỉ việc

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên quan sát tại khoa Dược bệnh viện và nhà thuốc bệnh viện, tham gia trao đổi.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu dạy

Checklist

6.2. Tài liệu học

Checklist

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Bệnh viện thực hành của nhà trường
- Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC